VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 12/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2017 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bến Tre

(Tiếp theo Công báo số 563 + 564)

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH BẾN TRE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH BẾN TRE

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Vinh Huê	DC	xã Vang Quới Đông	H. Bình Đại	10°14'50"	106°32'54"					C-48-46-C-a
ấp Vinh Tân	DC	xã Vang Quới Đông	H. Bình Đại	10°14'40"	106°32'21"					C-48-46-C-a
ấp Vinh Trung	DC	xã Vang Quới Đông	H. Bình Đại	10°15'34"	106°32'38"					C-48-46-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Vinh Xương	DC	xã Vang Quới Đông	H. Bình Đại	10°14'35"	106°33'23"					C-48-46-C-a
Đường tỉnh 883	KX	xã Vang Quới Đông	H. Bình Đại			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-46-C-a
rạch Bà Cả	TV	xã Vang Quới Đông	H. Bình Đại			10°14'56"	106°32'45"	10°15'30"	106°33'11"	C-48-46-C-a; C-48-46-A-c
rạch Bà Nhuộm	TV	xã Vang Quới Đông	H. Bình Đại			10°13'39"	106°32'53"	10°15'28"	106°33'19"	C-48-46-C-a; C-48-46-A-c
rạch Cả Cao	TV	xã Vang Quới Đông	H. Bình Đại			10°13'18"	106°34'31"	10°15'14"	106°33'56"	C-48-46-C-a; C-48-46-A-c
sông Cửa Đại	TV	xã Vang Quới Đông	H. Bình Đại			10°18'27"	106°26'48"	10°11'47"	106°47'01"	C-48-46-A-c
ấp Vinh Châu	DC	xã Vang Quới Tây	H. Bình Đại	10°14'52"	106°31'30"					C-48-46-C-a
ấp Vinh Điền	DC	xã Vang Quới Tây	H. Bình Đại	10°15'49"	106°31'08"					C-48-46-A-c
ấp Vinh Hội	DC	xã Vang Quới Tây	H. Bình Đại	10°15'33"	106°31'35"					C-48-46-A-c
ấp Vinh Thái	DC	xã Vang Quới Tây	H. Bình Đại	10°14'58"	106°32'10"					C-48-46-C-a
Đường tỉnh 883	KX	xã Vang Quới Tây	H. Bình Đại			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-46-C-a
chùa Bửu Tháp	KX	xã Vang Quới Tây	H. Bình Đại	10°15'28"	106°31'45"					C-48-46-A-c
chùa Vinh Thọ	KX	xã Vang Quới Tây	H. Bình Đại	10°15'20"	106°31'40"					C-48-46-A-c
rạch Cầu Cái	TV	xã Vang Quới Tây	H. Bình Đại			10°15'04"	106°31'52"	10°15'47"	106°32'06"	C-48-46-A-c
sông Cửa Đại	TV	xã Vang Quới Tây	H. Bình Đại			10°18'27"	106°26'48"	10°11'47"	106°47'01"	C-48-46-A-c
ấp Phú Nhơn	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	10°18'11"	106°21'01"					C-48-45-B-c
Khu phố 1	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	10°17'55"	106°21'17"					C-48-45-B-c
Khu phố 2	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	10°18'34"	106°21'33"					C-48-45-B-c
Khu phố 3	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	10°18'01"	106°20'55"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 4	DC	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	10°18'33"	106°21'01"					C-48-45-B-c
Đường tỉnh 883	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-c
Quốc lộ 60	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-B-c
cầu Ba Lai	KX	TT. Châu Thành	H. Châu Thành	10°17'43"	106°21'16"					C-48-45-B-c
sông Ba Lai	TV	TT. Châu Thành	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-c
ấp An Bình	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10°17'05"	106°17'17"					C-48-45-B-c
ấp An Hòa	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10°16'31"	106°18'14"					C-48-45-B-c
ấp Hòa Thanh	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10°16'22"	106°17'44"					C-48-45-B-c
ấp Thuận Điền	DC	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10°16'34"	106°17'15"					C-48-45-B-c
Đường tỉnh 884	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10°15'12"	106°08'13"	10°15'36"	106°21'35"	C-48-45-B-c
chợ An Hiệp	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10°16'36"	106°17'03"					C-48-45-B-c
Khu công nghiệp An Hiệp	KX	xã An Hiệp	H. Châu Thành	10°16'09"	106°16'57"					C-48-45-B-c
kênh Lương Cái	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10°16'54"	106°17'03"	10°16'45"	106°15'36"	C-48-45-B-c
kênh Ông Đốc	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10°16'04"	106°17'08"	10°17'16"	106°17'02"	C-48-45-B-c
kênh Xẻo Lá	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10°16'54"	106°17'03"	10°17'06"	106°17'54"	C-48-45-B-c
sông Hàm Luông	TV	xã An Hiệp	H. Châu Thành			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-B-c
ấp An Hòa	DC	xã An Hóa	H. Châu Thành	10°16'44"	106°25'52"					C-48-45-B-d
ấp An Hòa Thạnh	DC	xã An Hóa	H. Châu Thành	10°16'58"	106°25'46"					C-48-45-B-d
ấp An Nghĩa	DC	xã An Hóa	H. Châu Thành	10°17'00"	106°25'12"					C-48-45-B-d
ấp Châu Thành	DC	xã An Hóa	H. Châu Thành	10°16'24"	106°25'56"					C-48-45-B-d
Đường tỉnh 883	KX	xã An Hóa	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu An Hóa	KX	xã An Hóa	H. Châu Thành	10°17'00"	106°26'33"					C-48-45-B-d
kênh Giao Hòa	TV	xã An Hóa	H. Châu Thành			10°17'49"	106°26'50"	10°15'54"	106°26'14"	C-48-45-B-d
sông Ba Lai	TV	xã An Hóa	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-d
ấp An Mỹ	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°18'44"	106°19'57"					C-48-45-B-c
ấp An Phú	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°18'52"	106°20'55"					C-48-45-B-c
ấp An Phú Thạnh	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°19'14"	106°18'45"					C-48-45-B-c
ấp An Thạnh	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°19'15"	106°19'45"					C-48-45-B-c
ấp An Thới A	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°19'32"	106°20'26"					C-48-45-B-c
ấp An Thới B	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°19'41"	106°21'14"					C-48-45-B-c
ấp Phước Thạnh	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°18'48"	106°18'55"					C-48-45-B-c
ấp Phước Tự	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°18'31"	106°20'19"					C-48-45-B-c
ấp Phước Xuân	DC	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°18'28"	106°19'34"					C-48-45-B-c
Đường tỉnh 883	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-c
Quốc lộ 60	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-B-c
cầu Kinh Điều	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°18'55"	106°19'19"					C-48-45-B-c
cầu Rạch Miễu	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°20'43"	106°20'26"					C-48-45-B-c
chùa Lạc Thiện	KX	xã An Khánh	H. Châu Thành	10°19'34"	106°21'13"					C-48-45-B-c
rạch Cái Chúi	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10°18'43"	106°20'24"	10°19'44"	106°20'54"	C-48-45-B-c
sông Ba Lai	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-c
Sông Tiền	TV	xã An Khánh	H. Châu Thành			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-c
ấp Phước Hậu	DC	xã An Phước	H. Châu Thành	10°17'14"	106°24'17"					C-48-45-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phước Hưng	DC	xã An Phước	H. Châu Thành	10°17'13"	106°23'47"					C-48-45-B-d
ấp Phước Thành	DC	xã An Phước	H. Châu Thành	10°17'03"	106°24'42"					C-48-45-B-d
ấp Phước Thới	DC	xã An Phước	H. Châu Thành	10°17'25"	106°23'29"					C-48-45-B-d
Đường tỉnh 883	KX	xã An Phước	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-d
chùa Bửu An Châu Tự	KX	xã An Phước	H. Châu Thành	10°17'35"	106°23'34"					C-48-45-B-d
sông Ba Lai	TV	xã An Phước	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-d
ấp Hòa An	DC	xã Giao Hòa	H. Châu Thành	10°17'36"	106°26'28"					C-48-45-B-d
ấp Hòa Hưng	DC	xã Giao Hòa	H. Châu Thành	10°18'16"	106°26'05"					C-48-45-B-d
ấp Hòa Long	DC	xã Giao Hòa	H. Châu Thành	10°17'41"	106°25'45"					C-48-45-B-d
ấp Hòa Thạnh	DC	xã Giao Hòa	H. Châu Thành	10°17'50"	106°26'32"					C-48-45-B-d
Đường tỉnh 883	KX	xã Giao Hòa	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-d
kênh Giao Hòa	TV	xã Giao Hòa	H. Châu Thành			10°17'49"	106°26'50"	10°15'54"	106°26'14"	C-48-45-B-d
rạch Cái Xếp	TV	xã Giao Hòa	H. Châu Thành			10°18'39"	106°24'52"	10°17'43"	106°26'42"	C-48-45-B-d
Sông Tiền	TV	xã Giao Hòa	H. Châu Thành			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-d
ấp Long Hòa	DC	xã Giao Long	H. Châu Thành	10°18'01"	106°24'59"					C-48-45-B-d
ấp Long Hội	DC	xã Giao Long	H. Châu Thành	10°18'21"	106°25'37"					C-48-45-B-d
ấp Long Thạnh	DC	xã Giao Long	H. Châu Thành	10°18'25"	106°25'00"					C-48-45-B-d
Đường tỉnh 883	KX	xã Giao Long	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-d
cảng Giao Long	KX	xã Giao Long	H. Châu Thành	10°18'40"	106°25'36"					C-48-45-B-d
rạch Cái Xếp	TV	xã Giao Long	H. Châu Thành			10°18'39"	106°24'52"	10°17'43"	106°26'42"	C-48-45-B-d
sông Phú Thành	TV	xã Giao Long	H. Châu Thành			10°19'51"	106°23'43"	10°18'51"	106°25'21"	C-48-45-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền	TV	xã Giao Long	H. Châu Thành			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-d
ấp Đại Định	DC	xã Hữu Định	H. Châu Thành	10°15'35"	106°25'25"					C-48-45-B-d
ấp Hữu Chiến	DC	xã Hữu Định	H. Châu Thành	10°15'55"	106°24'39"					C-48-45-B-d
ấp Hữu Nhơn	DC	xã Hữu Định	H. Châu Thành	10°16'30"	106°22'33"					C-48-45-B-c
ấp Hữu Thành	DC	xã Hữu Định	H. Châu Thành	10°16'22"	106°23'29"					C-48-45-B-d
ấp Phú Hữu	DC	xã Hữu Định	H. Châu Thành	10°16'46"	106°21'43"					C-48-45-B-c
Quốc lộ 60	KX	xã Hữu Định	H. Châu Thành			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-B-c
sông Bến Tre	TV	xã Hữu Định	H. Châu Thành			10°15'55"	106°26'14"	10°13'13"	106°21'00"	C-48-45-B-d; C-48-45-D-b
Sông Nhỏ	TV	xã Hữu Định	H. Châu Thành			10°17'07"	106°21'54"	10°15'49"	106°26'11"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
ấp Phú Ngãi	DC	xã Phú An Hòa	H. Châu Thành	10°17'58"	106°21'47"					C-48-45-B-c
ấp Phước Hòa	DC	xã Phú An Hòa	H. Châu Thành	10°18'01"	106°22'44"					C-48-45-B-d
Đường tỉnh 883	KX	xã Phú An Hòa	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
sông Ba Lai	TV	xã Phú An Hòa	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
ấp Phú Định	DC	xã Phú Đức	H. Châu Thành	10°18'43"	106°13'41"					C-48-45-A-d
ấp Phú Hội	DC	xã Phú Đức	H. Châu Thành	10°18'31"	106°13'21"					C-48-45-A-d
ấp Phú Lễ	DC	xã Phú Đức	H. Châu Thành	10°18'47"	106°14'24"					C-48-45-A-d
ấp Phú Long	DC	xã Phú Đức	H. Châu Thành	10°18'01"	106°12'36"					C-48-45-A-d
ấp Phú Ninh	DC	xã Phú Đức	H. Châu Thành	10°18'28"	106°12'48"					C-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phú Tường	DC	xã Phú Đức	H. Châu Thành	10°17'59"	106°13'20"					C-48-45-A-d
ấp Phú Xuân	DC	xã Phú Đức	H. Châu Thành	10°18'10"	106°14'29"					C-48-45-A-d
ấp Song Phú	DC	xã Phú Đức	H. Châu Thành	10°18'04"	106°14'04"					C-48-45-A-d
Đường tỉnh 883	KX	xã Phú Đức	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-A-d
sông Ba Lai	TV	xã Phú Đức	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-A-d
sông Cồn Dơi	TV	xã Phú Đức	H. Châu Thành			10°17'56"	106°10'54"	10°18'58"	106°14'13"	C-48-45-A-d
Sông Tiền	TV	xã Phú Đức	H. Châu Thành			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-d
ấp Phú Hòa	DC	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°18'35"	106°16'29"					C-48-45-B-c
ấp Phú Khương	DC	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°18'23"	106°15'04"					C-48-45-B-c
ấp Phú Mỹ	DC	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°18'33"	106°17'16"					C-48-45-B-c
ấp Phú Tân	DC	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°19'03"	106°17'05"					C-48-45-B-c
ấp Phú Thạnh	DC	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°18'43"	106°18'17"					C-48-45-B-c
ấp Phú Xuân	DC	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°18'51"	106°15'10"					C-48-45-B-c
Đường tỉnh 883	KX	xã Phú Túc	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-c; C-48-45-A-d
cồn Bổn Thôn	TV	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°19'06"	106°17'04"					C-48-45-B-c
cồn Phú Lễ	TV	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°19'06"	106°15'43"					C-48-45-B-c
cồn Tân Mỹ	TV	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°19'25"	106°16'53"					C-48-45-B-c
cồn Thôn Đại	TV	xã Phú Túc	H. Châu Thành	10°19'10"	106°16'15"					C-48-45-B-c
rạch Cái Sơn	TV	xã Phú Túc	H. Châu Thành			10°18'28"	106°15'12"	10°19'04"	106°17'45"	C-48-45-B-c
sông Ba Lai	TV	xã Phú Túc	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền	TV	xã Phú Túc	H. Châu Thành			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-d; C-48-45-B-c
ấp Phú Thạnh	DC	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành	10°16'18"	106°25'12"					C-48-45-B-d
ấp Phước Định	DC	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành	10°16'47"	106°23'54"					C-48-45-B-d
ấp Phước Thành	DC	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành	10°17'19"	106°22'12"					C-48-45-B-c
ấp Phước Thiện	DC	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành	10°16'58"	106°23'07"					C-48-45-B-d
ấp Phước Trạch	DC	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành	10°16'36"	106°24'47"					C-48-45-B-d
khu lưu niệm Liệt sỹ - Anh hùng lực lượng vũ trang Trần Văn Ơn	KX	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành	10°16'11"	106°25'34"					C-48-45-B-d
rạch Cái Trăng	TV	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành			10°17'36"	106°21'41"	10°17'06"	106°21'54"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
rạch Cống Bà Chí	TV	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành			10°17'14"	106°20'25"	10°17'18"	106°21'45"	C-48-45-B-c
sông Ba Lai	TV	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
sông Bến Tre	TV	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành			10°15'55"	106°26'14"	10°13'13"	106°21'00"	C-48-45-B-d
Sông Nhỏ	TV	xã Phước Thạnh	H. Châu Thành			10°17'07"	106°21'54"	10°15'49"	106°26'11"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
ấp Phú Thành Đông	DC	xã Quới Sơn	H. Châu Thành	10°19'13"	106°24'18"					C-48-45-B-d
ấp Phú Thành Tây	DC	xã Quới Sơn	H. Châu Thành	10°19'28"	106°23'50"					C-48-45-B-d
ấp Quới An	DC	xã Quới Sơn	H. Châu Thành	10°19'03"	106°23'17"					C-48-45-B-d
ấp Quới Hòa Đông	DC	xã Quới Sơn	H. Châu Thành	10°19'08"	106°23'40"					C-48-45-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Quới Hòa Tây	DC	xã Quới Sơn	H. Châu Thành	10°19'14"	106°23'11"					C-48-45-B-d
ấp Quới Hưng	DC	xã Quới Sơn	H. Châu Thành	10°18'27"	106°24'06"					C-48-45-B-d
ấp Quới Lợi	DC	xã Quới Sơn	H. Châu Thành	10°18'45"	106°24'18"					C-48-45-B-d
ấp Quới Thạnh Đông	DC	xã Quới Sơn	H. Châu Thành	10°18'45"	106°23'55"					C-48-45-B-d
ấp Quới Thạnh Tây	DC	xã Quới Sơn	H. Châu Thành	10°18'38"	106°22'14"					C-48-45-B-c
Đường tỉnh 883	KX	xã Quới Sơn	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
sông Phú Thành	TV	xã Quới Sơn	H. Châu Thành			10°19'51"	106°23'43"	10°18'51"	106°25'21"	C-48-45-B-d
Sông Tiền	TV	xã Quới Sơn	H. Châu Thành			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
ấp Phú Hòa	DC	xã Quới Thành	H. Châu Thành	10°17'07"	106°14'10"					C-48-45-A-d
ấp Phú Phong	DC	xã Quới Thành	H. Châu Thành	10°17'16"	106°13'34"					C-48-45-A-d
ấp Phú Thành	DC	xã Quới Thành	H. Châu Thành	10°16'57"	106°14'42"					C-48-45-A-d
ấp Phú Thuận	DC	xã Quới Thành	H. Châu Thành	10°17'00"	106°13'29"					C-48-45-A-d
Đường tỉnh 884	KX	xã Quới Thành	H. Châu Thành			10°15'12"	106°08'13"	10°15'36"	106°21'35"	C-48-45-A-d
cầu Cái Cỏ	KX	xã Quới Thành	H. Châu Thành	10°17'18"	106°13'17"					C-48-45-A-d
sông Ba Lai	TV	xã Quới Thành	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-A-d
sông Bến Rớ	TV	xã Quới Thành	H. Châu Thành			10°17'45"	106°13'49"	10°15'52"	106°11'37"	C-48-45-A-d
ấp Hòa Chánh	DC	xã Sơn Hòa	H. Châu Thành	10°15'41"	106°18'55"					C-48-45-B-c
ấp Hòa Trung	DC	xã Sơn Hòa	H. Châu Thành	10°15'52"	106°18'22"					C-48-45-B-c
Đường tỉnh 884	KX	xã Sơn Hòa	H. Châu Thành			10°15'12"	106°08'13"	10°15'36"	106°21'35"	C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hàm Luông	TV	xã Sơn Hòa	H. Châu Thành			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-B-c
ấp Phước Hậu	DC	xã Tam Phước	H. Châu Thành	10°17'38"	106°20'14"					C-48-45-B-c
ấp Phước Hựu	DC	xã Tam Phước	H. Châu Thành	10°17'51"	106°20'22"					C-48-45-B-c
ấp Phước Tân	DC	xã Tam Phước	H. Châu Thành	10°17'31"	106°19'20"					C-48-45-B-c
ấp Phước Thành	DC	xã Tam Phước	H. Châu Thành	10°16'36"	106°20'56"					C-48-45-B-c
ấp Phước Thạnh	DC	xã Tam Phước	H. Châu Thành	10°17'03"	106°20'45"					C-48-45-B-c
ấp Thạnh Hựu	DC	xã Tam Phước	H. Châu Thành	10°17'26"	106°21'14"					C-48-45-B-c
Quốc lộ 60	KX	xã Tam Phước	H. Châu Thành			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-B-c
cầu Ba Lai	KX	xã Tam Phước	H. Châu Thành	10°17'43"	106°21'16"					C-48-45-B-c
kênh Sông Mã	TV	xã Tam Phước	H. Châu Thành			10°14'52"	106°19'24"	10°17'28"	106°18'12"	C-48-45-B-c
rạch Cái Trăng	TV	xã Tam Phước	H. Châu Thành			10°17'36"	106°21'41"	10°17'06"	106°21'54"	C-48-45-B-c
rạch Cống Bà Chí	TV	xã Tam Phước	H. Châu Thành			10°17'14"	106°20'25"	10°17'18"	106°21'45"	C-48-45-B-c
sông Ba Lai	TV	xã Tam Phước	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-c
ấp Hàm Luông	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°16'52"	106°09'10"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Phú	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°16'02"	106°11'17"					C-48-45-A-d
ấp Phú Luông	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°15'45"	106°11'07"					C-48-45-A-d
ấp Tân Bắc	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°17'37"	106°11'20"					C-48-45-A-d
ấp Tân Đông	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°17'22"	106°12'32"					C-48-45-A-d
ấp Tân Nam	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°17'13"	106°11'07"					C-48-45-A-d
ấp Tân Qui	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°16'54"	106°11'27"					C-48-45-A-d
ấp Tân Tây	DC	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°17'13"	106°09'52"					C-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 883	KX	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-A-d
Đường tỉnh 884	KX	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°15'12"	106°08'13"	10°15'36"	106°21'35"	C-48-45-A-d
bến phà Tân Phú	KX	xã Tân Phú	H. Châu Thành	10°16'33"	106°09'11"					C-48-45-A-d
rạch Bà Lưu	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°16'42"	106°10'03"	10°17'15"	106°09'23"	C-48-45-A-d
rạch Cái Cùng	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°16'30"	106°09'50"	10°15'58"	106°10'45"	C-48-45-A-d
sông Ba Kè	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°17'06"	106°11'01"	10°16'01"	106°11'08"	C-48-45-A-d
sông Ba Lai	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-A-d
sông Bến Rớ	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°17'45"	106°13'49"	10°15'52"	106°11'37"	C-48-45-A-d
Sông Chợ	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°17'45"	106°13'49"	10°17'06"	106°11'01"	C-48-45-A-d
sông Cồn Dơi	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°17'56"	106°10'54"	10°18'58"	106°14'13"	C-48-45-A-d
sông Hàm Luông	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-A-d
sông Sóc Sải	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°15'41"	106°10'36"	10°15'51"	106°13'55"	C-48-45-A-d
Sông Tiền	TV	xã Tân Phú	H. Châu Thành			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-d
ấp Tân An Thị	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'54"	106°22'02"					C-48-45-B-c
ấp Tân An Thượng	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'46"	106°21'37"					C-48-45-B-c
ấp Tân Huề Đông	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°18'54"	106°21'47"					C-48-45-B-c
ấp Tân Huề Tây	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'11"	106°21'17"					C-48-45-B-c
ấp Tân Phong Ngoại	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'47"	106°22'36"					C-48-45-B-d
ấp Tân Phong Nội	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'21"	106°22'22"					C-48-45-B-c
ấp Tân Phú	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'06"	106°21'57"					C-48-45-B-c
ấp Tân Quới Ngoại	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'38"	106°22'19"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Quới Nội	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°18'44"	106°22'00"					C-48-45-B-c
ấp Tân Vinh	DC	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°20'06"	106°21'20"					C-48-45-B-c
Đường tỉnh 883	KX	xã Tân Thạch	H. Châu Thành			10°17'27"	106°12'33"	10°03'11"	106°43'22"	C-48-45-B-c
Quốc lộ 60	KX	xã Tân Thạch	H. Châu Thành			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-B-c
bến phà Rạch Miễu	KX	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'58"	106°21'53"					C-48-45-B-c
cầu Rạch Miễu	KX	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°20'43"	106°20'26"					C-48-45-B-c
chùa Tân Khánh	KX	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'32"	106°22'09"					C-48-45-B-c
chùa Tứ Long Châu	KX	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°18'56"	106°21'18"					C-48-45-B-c
Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Tân Thạch	KX	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'55"	106°22'14"					C-48-45-B-c
cồn Tân Vinh	TV	xã Tân Thạch	H. Châu Thành	10°19'59"	106°20'55"					C-48-45-B-c
Rạch Miễu	TV	xã Tân Thạch	H. Châu Thành			10°19'00"	106°22'01"	10°20'00"	106°22'18"	C-48-45-B-c
Sông Tiền	TV	xã Tân Thạch	H. Châu Thành			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-d; C-48-45-B-c
Ấp Chợ	DC	xã Thành Triệu	H. Châu Thành	10°17'37"	106°15'28"					C-48-45-B-c
ấp Phước Hòa	DC	xã Thành Triệu	H. Châu Thành	10°17'46"	106°15'04"					C-48-45-B-c
ấp Phước Lễ	DC	xã Thành Triệu	H. Châu Thành	10°17'06"	106°16'07"					C-48-45-B-c
ấp Phước Thạnh 1	DC	xã Thành Triệu	H. Châu Thành	10°17'59"	106°15'55"					C-48-45-B-c
ấp Phước Thạnh 2	DC	xã Thành Triệu	H. Châu Thành	10°18'04"	106°16'48"					C-48-45-B-c
kênh Lương Cái	TV	xã Thành Triệu	H. Châu Thành			10°16'54"	106°17'03"	10°16'45"	106°15'36"	C-48-45-B-c
rạch Thành Triệu	TV	xã Thành Triệu	H. Châu Thành			10°17'17"	106°15'28"	10°15'54"	106°15'21"	C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ba Lai	TV	xã Thành Triệu	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-A-d; C-48-45-B-c
ấp Tiên Chánh	DC	xã Tiên Long	H. Châu Thành	10°15'51"	106°12'38"					C-48-45-A-d
ấp Tiên Đông	DC	xã Tiên Long	H. Châu Thành	10°15'55"	106°13'25"					C-48-45-A-d
ấp Tiên Hưng	DC	xã Tiên Long	H. Châu Thành	10°16'05"	106°12'12"					C-48-45-A-d
ấp Tiên Lợi	DC	xã Tiên Long	H. Châu Thành	10°15'11"	106°11'54"					C-48-45-A-d
ấp Tiên Phú 1	DC	xã Tiên Long	H. Châu Thành	10°16'05"	106°11'46"					C-48-45-A-d
ấp Tiên Phú 2	DC	xã Tiên Long	H. Châu Thành	10°16'34"	106°12'17"					C-48-45-A-d
ấp Tiên Thạnh	DC	xã Tiên Long	H. Châu Thành	10°15'16"	106°12'45"					C-48-45-A-d
rạch Ba Ngọn	TV	xã Tiên Long	H. Châu Thành			10°17'00"	106°12'17"	10°16'32"	106°12'24"	C-48-45-A-d
rạch Cá Cam	TV	xã Tiên Long	H. Châu Thành			10°15'29"	106°12'46"	10°14'47"	106°13'30"	C-48-45-C-b; C-48-45-A-d
sông Bến Rớ	TV	xã Tiên Long	H. Châu Thành			10°17'45"	106°13'49"	10°15'52"	106°11'37"	C-48-45-A-d
sông Hàm Luông	TV	xã Tiên Long	H. Châu Thành			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-C-b; C-48-45-A-d
sông Sóc Sải	TV	xã Tiên Long	H. Châu Thành			10°15'41"	106°10'36"	10°15'51"	106°13'55"	C-48-45-A-d
ấp Bà Quýt	DC	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°16'04"	106°13'41"					C-48-45-A-d
Ấp Chánh	DC	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°16'15"	106°14'30"					C-48-45-A-d
ấp Chánh Đông	DC	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°16'34"	106°14'45"					C-48-45-A-d
ấp Khánh Hội Đông	DC	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°15'45"	106°15'14"					C-48-45-B-c
ấp Khánh Hội Tây	DC	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°15'23"	106°13'44"					C-48-45-A-d
ấp Tiên Đông Thượng	DC	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°16'02"	106°15'03"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tiên Đông Vàm	DC	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°16'01"	106°15'38"					C-48-45-B-c
ấp Tiên Tây Thượng	DC	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°16'12"	106°14'05"					C-48-45-A-d
ấp Tiên Tây Vàm	DC	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°16'35"	106°15'41"					C-48-45-B-c
Đường tỉnh 884	KX	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành			10°15'12"	106°08'13"	10°15'36"	106°21'35"	C-48-45-A-d; C-48-45-B-c
cầu Thành Triệu	KX	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°16'38"	106°15'38"					C-48-45-B-c
cầu Tiên Thủy	KX	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°15'44"	106°14'12"					C-48-45-A-d
cầu Tre Bông	KX	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°16'29"	106°14'18"					C-48-45-A-d
Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Tiên Thủy	KX	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành	10°15'38"	106°14'18"					C-48-45-A-a
kênh Lương Cái	TV	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành			10°16'54"	106°17'03"	10°16'45"	106°15'36"	C-48-45-B-c
rạch Cá Cam	TV	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành			10°15'29"	106°12'46"	10°14'47"	106°13'30"	C-48-45-A-d; C-48-45-C-b
rạch Đất Bụng	TV	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành			10°15'17"	106°13'50"	10°15'08"	106°14'24"	C-48-45-A-d; C-48-45-C-b
rạch Thành Triệu	TV	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành			10°17'17"	106°15'28"	10°15'54"	106°15'21"	C-48-45-B-c
sông Hàm Luông	TV	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-C-b; C-48-45-A-d; C-48-45-B-c
sông Sóc Sải	TV	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành			10°15'41"	106°10'36"	10°15'51"	106°13'55"	C-48-45-A-d
sông Tiên Thủy	TV	xã Tiên Thủy	H. Châu Thành			10°15'51"	106°13'55"	10°15'56"	106°15'55"	C-48-45-A-d; C-48-45-B-c
ấp Bình An	DC	xã Tường Đa	H. Châu Thành	10°17'54"	106°17'34"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Định Thọ	DC	xã Tường Đa	H. Châu Thành	10°17'46"	106°18'20"					C-48-45-B-c
ấp Thanh Bình	DC	xã Tường Đa	H. Châu Thành	10°17'04"	106°18'00"					C-48-45-B-c
ấp Thạnh Hưng	DC	xã Tường Đa	H. Châu Thành	10°17'07"	106°18'32"					C-48-45-B-c
kênh Sông Mã	TV	xã Tường Đa	H. Châu Thành			10°14'52"	106°19'24"	10°17'28"	106°18'12"	C-48-45-B-c
sông Ba Lai	TV	xã Tường Đa	H. Châu Thành			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-c
ấp Bình An A	DC	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°15'19"	106°07'10"					C-48-45-A-c
ấp Bình An B	DC	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°15'46"	106°07'47"					C-48-45-A-d
ấp Sơn Qui	DC	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°16'27"	106°07'23"					C-48-45-A-c
ấp Thới Định	DC	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°15'56"	106°08'16"					C-48-45-A-d
Khu phố 1	DC	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°15'26"	106°07'11"					C-48-45-A-c
Khu phố 2	DC	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°15'41"	106°07'18"					C-48-45-A-c
Khu phố 3	DC	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°16'00"	106°07'07"					C-48-45-A-c
Khu phố 4	DC	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°15'46"	106°06'56"					C-48-45-A-c
Quốc lộ 57	KX	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
cầu Chợ Lách Cũ	KX	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°15'44"	106°06'58"					C-48-45-A-c
cầu Chợ Lách Mới	KX	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách	10°16'14"	106°07'10"					C-48-45-A-c
sông Chợ Lách	TV	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách			10°16'48"	106°07'29"	10°13'31"	106°08'47"	C-48-45-A-c; C-48-45-C-a; C-48-45-C-b
Sông Dọc	TV	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách			10°15'38"	106°07'10"	10°15'47"	106°08'16"	C-48-45-A-d; C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền	TV	TT. Chợ Lách	H. Chợ Lách			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-d; C-48-45-A-c
ấp Bình An	DC	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách	10°13'34"	106°08'48"					C-48-45-C-b
ấp Bình Thanh	DC	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách	10°13'17"	106°09'07"					C-48-45-C-b
ấp Đại An	DC	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách	10°14'44"	106°08'00"					C-48-45-C-b
ấp Định Bình	DC	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách	10°15'52"	106°08'54"					C-48-45-A-d
ấp Hòa Thạnh	DC	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách	10°14'47"	106°08'25"					C-48-45-C-b
ấp Hưng Nhơn	DC	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách	10°15'36"	106°08'20"					C-48-45-A-d
ấp Long Hiệp	DC	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách	10°14'36"	106°09'00"					C-48-45-C-b
ấp Nhơn Phú	DC	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách	10°15'30"	106°08'43"					C-48-45-A-d
Đường tỉnh 884	KX	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách			10°15'12"	106°08'13"	10°15'36"	106°21'35"	C-48-45-A-d
Quốc lộ 57	KX	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-A-d; C-48-45-C-b
bến phà Tân Phú	KX	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách	10°16'29"	106°09'01"					C-48-45-A-d
rạch Bình Phụng	TV	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách			10°14'28"	106°09'59"	10°13'30"	106°08'48"	C-48-45-C-b
rạch Cả Chài	TV	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách			10°14'27"	106°07'41"	10°13'28"	106°08'41"	C-48-45-C-b
sông Cầu Quan	TV	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách			10°15'47"	106°08'16"	10°14'51"	106°10'45"	C-48-45-A-d
sông Chợ Lách	TV	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách			10°16'48"	106°07'29"	10°13'31"	106°08'47"	C-48-45-C-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-C-b
sông Hàm Luông	TV	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-A-d
sông Hòa Nghĩa	TV	xã Hòa Nghĩa	H. Chợ Lách			10°15'28"	106°09'23"	10°13'56"	106°09'23"	C-48-45-C-b; C-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phú Hòa	DC	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách	10°09'15"	106°13'18"					C-48-45-C-b
ấp Phú Hưng	DC	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách	10°10'28"	106°14'00"					C-48-45-C-b
ấp Phú Long	DC	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách	10°10'56"	106°13'57"					C-48-45-C-b
ấp Tân Trung	DC	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách	10°10'12"	106°13'24"					C-48-45-C-b
ấp Thanh Trung	DC	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách	10°09'52"	106°12'54"					C-48-45-C-b
ấp Thanh Xuân	DC	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách	10°10'03"	106°14'04"					C-48-45-C-b
ấp Trung Hiệp	DC	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách	10°10'12"	106°12'28"					C-48-45-C-b
Quốc lộ 57	KX	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-C-b
cầu Hòa Khánh	KX	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách	10°11'12"	106°13'29"					C-48-45-C-b
kênh Vàm Xã	TV	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách			10°10'08"	106°12'10"	10°12'37"	106°12'54"	C-48-45-C-b
rạch Cái Tắc	TV	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách			10°11'05"	106°15'21"	10°11'11"	106°14'07"	C-48-45-C-b
rạch Chùa Đạo Luông	TV	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách			10°10'34"	106°13'14"	10°10'36"	106°12'18"	C-48-45-C-b
rạch Gò Cốc	TV	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách			10°10'57"	106°14'31"	10°10'05"	106°14'13"	C-48-45-C-b
sông Cái Hàng	TV	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách			10°08'33"	106°16'02"	10°09'07"	106°13'12"	C-48-45-C-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-C-b
sông Hòa Khánh	TV	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách			10°11'11"	106°14'07"	10°10'34"	106°13'14"	C-48-45-C-b
sông Thanh Điền	TV	xã Hưng Khánh Trung B	H. Chợ Lách			10°10'05"	106°14'13"	10°09'09"	106°14'05"	C-48-45-C-b
ấp An Hòa	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°14'08"	106°11'01"					C-48-45-C-b
ấp An Quy	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°13'34"	106°11'36"					C-48-45-C-b
ấp An Thạnh	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°12'54"	106°11'52"					C-48-45-C-b
ấp Hòa An	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°14'08"	106°11'44"					C-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Long Hòa	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°14'07"	106°09'34"					C-48-45-C-b
ấp Long Huê	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°14'51"	106°10'13"					C-48-45-C-b
ấp Long Quới	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°14'09"	106°10'07"					C-48-45-C-b
ấp Long Vinh	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°14'59"	106°09'44"					C-48-45-C-b
ấp Quân An	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°13'50"	106°10'50"					C-48-45-C-b
ấp Tân An	DC	xã Long Thới	H. Chợ Lách	10°13'47"	106°12'22"					C-48-45-C-b
Quốc lộ 57	KX	xã Long Thới	H. Chợ Lách			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-C-b
rạch Bình Phụng	TV	xã Long Thới	H. Chợ Lách			10°14'28"	106°09'59"	10°13'30"	106°08'48"	C-48-45-C-b
rạch Cái Mơn	TV	xã Long Thới	H. Chợ Lách			10°12'37"	106°12'54"	10°13'36"	106°10'49"	C-48-45-C-b
rạch Cái Nhum	TV	xã Long Thới	H. Chợ Lách			10°14'38"	106°09'55"	10°14'57"	106°10'31"	C-48-45-A-d; C-48-45-C-b
sông Cái Gà	TV	xã Long Thới	H. Chợ Lách			10°13'30"	106°10'39"	10°14'43"	106°11'02"	C-48-45-C-b
sông Cầu Mới	TV	xã Long Thới	H. Chợ Lách			10°13'20"	106°09'42"	10°12'17"	106°09'44"	C-48-45-C-b
sông Hàm Luông	TV	xã Long Thới	H. Chợ Lách			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-A-d; C-48-45-C-b
sông Hòa Nghĩa	TV	xã Long Thới	H. Chợ Lách			10°15'28"	106°09'23"	10°13'56"	106°09'23"	C-48-45-A-d; C-48-45-C-b
Ấp Chợ	DC	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách	10°16'41"	106°02'47"					C-48-45-A-c
Ấp Cống	DC	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách	10°16'19"	106°02'32"					C-48-45-A-c
ấp Phụng Đức	DC	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách	10°16'49"	106°02'01"					C-48-45-A-c
ấp Phụng Đức A	DC	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách	10°17'09"	106°02'47"					C-48-45-A-c
ấp Phụng Đức B	DC	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách	10°16'41"	106°03'54"					C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 57	KX	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-A-c
cầu Phú Phụng	KX	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách	10°16'37"	106°02'32"					C-48-45-A-c
cầu Vĩnh Bình	KX	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách	10°16'19"	106°03'46"					C-48-45-A-c
rạch Thông Lưu	TV	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách			10°16'35"	106°02'33"	10°15'35"	106°06'59"	C-48-45-A-c
Rạch Vông	TV	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách			10°16'48"	106°04'01"	10°15'39"	106°03'48"	C-48-45-A-c
Sông Tiền	TV	xã Phú Phụng	H. Chợ Lách			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-c
ấp Lân Bắc	DC	xã Phú Sơn	H. Chợ Lách	10°14'10"	106°13'41"					C-48-45-C-b
ấp Lân Đông	DC	xã Phú Sơn	H. Chợ Lách	10°13'20"	106°14'15"					C-48-45-C-b
ấp Lân Nam	DC	xã Phú Sơn	H. Chợ Lách	10°13'31"	106°13'29"					C-48-45-C-b
ấp Lân Tây	DC	xã Phú Sơn	H. Chợ Lách	10°13'54"	106°12'47"					C-48-45-C-b
ấp Mỹ Sơn Tây	DC	xã Phú Sơn	H. Chợ Lách	10°14'36"	106°14'37"					C-48-45-C-b
ấp Phú Hiệp	DC	xã Phú Sơn	H. Chợ Lách	10°13'48"	106°14'06"					C-48-45-C-b
rạch Bảo Vàng	TV	xã Phú Sơn	H. Chợ Lách			10°13'51"	106°15'17"	10°13'26"	106°14'12"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-a
sông Hàm Luông	TV	xã Phú Sơn	H. Chợ Lách			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-C-b; C-48-45-A-d
sông Vàm Mơn	TV	xã Phú Sơn	H. Chợ Lách			10°12'39"	106°14'18"	10°14'24"	106°13'28"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-a
ấp Phụng Châu	DC	xã Sơn Định	H. Chợ Lách	10°14'39"	106°07'03"					C-48-45-C-a
ấp Sơn Châu	DC	xã Sơn Định	H. Chợ Lách	10°15'11"	106°07'07"					C-48-45-A-c
ấp Sơn Lân	DC	xã Sơn Định	H. Chợ Lách	10°15'44"	106°06'22"					C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Sơn Long	DC	xã Sơn Định	H. Chợ Lách	10°15'51"	106°05'39"					C-48-45-A-c
ấp Sơn Phụng	DC	xã Sơn Định	H. Chợ Lách	10°15'31"	106°06'43"					C-48-45-A-c
ấp Tân Phú	DC	xã Sơn Định	H. Chợ Lách	10°16'49"	106°07'11"					C-48-45-A-c
ấp Tân Thới	DC	xã Sơn Định	H. Chợ Lách	10°16'42"	106°05'59"					C-48-45-A-c
ấp Thới Lộc	DC	xã Sơn Định	H. Chợ Lách	10°16'56"	106°06'26"					C-48-45-A-c
Quốc lộ 57	KX	xã Sơn Định	H. Chợ Lách			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-A-c
cầu Chợ Lách Mới	KX	xã Sơn Định	H. Chợ Lách	10°16'14"	106°07'10"					C-48-45-A-c
rạch Thông Lưu	TV	xã Sơn Định	H. Chợ Lách			10°16'35"	106°02'33"	10°15'35"	106°06'59"	C-48-45-A-c
sông Chợ Lách	TV	xã Sơn Định	H. Chợ Lách			10°16'48"	106°07'29"	10°13'31"	106°08'47"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-b; C-48-45-A-c
sông Cổ Chiên	TV	xã Sơn Định	H. Chợ Lách			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-b
Sông Sụp	TV	xã Sơn Định	H. Chợ Lách			10°14'38"	106°07'35"	10°14'43"	106°06'14"	C-48-45-C-a; C-48-45-C-b
Sông Tiền	TV	xã Sơn Định	H. Chợ Lách			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-c
ấp Long Khánh	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°12'40"	106°09'54"					C-48-45-C-b
ấp Long Vân	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°13'23"	106°10'07"					C-48-45-C-b
ấp Phú Thới	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°12'21"	106°12'04"					C-48-45-C-b
ấp Quân Bình	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°11'33"	106°10'37"					C-48-45-C-b
ấp Quân Phong	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°12'13"	106°10'58"					C-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°12'32"	106°11'39"					C-48-45-C-b
ấp Thanh Tân	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°11'25"	106°11'36"					C-48-45-C-b
ấp Thanh Tịnh	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°10'55"	106°11'23"					C-48-45-C-b
ấp Thanh Yên	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°10'37"	106°11'45"					C-48-45-C-b
ấp Thiện Lương	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°12'35"	106°09'54"					C-48-45-C-b
ấp Thiện Mỹ	DC	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°12'02"	106°10'14"					C-48-45-C-b
Cù lao Bùn	TV	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°11'45"	106°09'39"					C-48-45-C-b
Cù lao Kiến	TV	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°12'13"	106°08'50"					C-48-45-C-b
Cù lao Lát	TV	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách	10°10'54"	106°10'20"					C-48-45-C-b
kênh Vàm Xã	TV	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách			10°10'08"	106°12'10"	10°12'37"	106°12'54"	C-48-45-C-b
rạch Cái Mơn	TV	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách			10°12'37"	106°12'54"	10°13'36"	106°10'49"	C-48-45-C-b
rạch Cái Sơn	TV	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách			10°12'00"	106°11'39"	10°10'43"	106°12'19"	C-48-45-C-b
sông Cầu Mới	TV	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách			10°13'20"	106°09'42"	10°12'17"	106°09'44"	C-48-45-C-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Tân Thiềng	H. Chợ Lách			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-C-b
ấp Hòa Thuận	DC	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách	10°15'34"	106°05'00"					C-48-45-A-c
ấp Lộc Hiệp	DC	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách	10°16'30"	106°04'11"					C-48-45-A-c
ấp Phú Bình	DC	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách	10°15'14"	106°03'22"					C-48-45-A-c
ấp Phú Đa	DC	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách	10°15'09"	106°04'12"					C-48-45-A-c
ấp Phú Hiệp	DC	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách	10°16'08"	106°04'12"					C-48-45-A-c
ấp Phú Hòa	DC	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách	10°16'23"	106°04'58"					C-48-45-A-c
ấp Vĩnh Lộc	DC	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách	10°16'10"	106°05'01"					C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 57	KX	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-A-c
cầu Vĩnh Bình	KX	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách	10°16'19"	106°03'46"					C-48-45-A-c
cù lao Cái Cáo	TV	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách	10°15'26"	106°03'01"					C-48-45-A-c
rạch Thông Lưu	TV	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách			10°16'35"	106°02'33"	10°15'35"	106°06'59"	C-48-45-A-c
Rạch Vông	TV	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách			10°16'48"	106°04'01"	10°15'39"	106°03'48"	C-48-45-A-c
sông Cổ Chiên	TV	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-C-a; C-48-45-A-c
Sông Sụp	TV	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách			10°14'38"	106°07'35"	10°14'43"	106°06'14"	C-48-45-C-a
Sông Tiền	TV	xã Vĩnh Bình	H. Chợ Lách			10°18'01"	106°01'58"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-c
ấp Đông Kinh	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách	10°12'59"	106°14'21"					C-48-45-C-b
ấp Hòa 1	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách	10°12'38"	106°15'35"					C-48-45-D-a
ấp Hòa 2	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách	10°12'17"	106°15'09"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Lộc	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách	10°11'27"	106°14'21"					C-48-45-C-b
ấp Hòa Phước	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách	10°12'14"	106°15'03"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Thọ	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách	10°12'53"	106°15'04"					C-48-45-D-a
ấp Phú Quới	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách	10°12'11"	106°14'46"					C-48-45-C-b
ấp Vĩnh Chính	DC	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách	10°12'00"	106°14'28"					C-48-45-C-b
kênh Ông Kèo	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách			10°12'39"	106°14'23"	10°11'18"	106°13'41"	C-48-45-C-b
rạch Bà Chủ	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách			10°13'16"	106°16'05"	10°12'31"	106°15'01"	C-48-45-D-a
rạch Cái Tắc	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách			10°11'05"	106°15'21"	10°11'11"	106°14'07"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cầu Kinh	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách			10°11'59"	106°15'55"	10°12'01"	106°14'48"	C-48-45-D-a; C-48-45-C-b
Rạch Sâu	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách			10°13'00"	106°16'02"	10°11'59"	106°15'55"	C-48-45-D-a
sông Hòa Khánh	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách			10°11'11"	106°14'07"	10°10'34"	106°13'14"	C-48-45-C-b
sông Vàm Mơn	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách			10°12'39"	106°14'18"	10°14'24"	106°13'28"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-a
sông Vĩnh Hòa	TV	xã Vĩnh Hòa	H. Chợ Lách			10°11'05"	106°15'21"	10°12'31"	106°15'01"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-a
ấp Bình Tây	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°13'14"	106°13'08"					C-48-45-C-b
ấp Đông Nam	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°12'33"	106°13'49"					C-48-45-C-b
ấp Hòa Khánh	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°11'28"	106°13'22"					C-48-45-C-b
ấp Phú Hội	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°10'47"	106°12'38"					C-48-45-C-b
ấp Tây Lộc	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°12'55"	106°12'42"					C-48-45-C-b
ấp Vĩnh Bắc	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°12'24"	106°13'28"					C-48-45-C-b
ấp Vĩnh Chính	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°11'46"	106°13'07"					C-48-45-C-b
ấp Vĩnh Hiệp	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°11'21"	106°12'30"					C-48-45-C-b
ấp Vĩnh Hưng 1	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°12'13"	106°12'58"					C-48-45-C-b
ấp Vĩnh Hưng 2	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°12'33"	106°12'39"					C-48-45-C-b
ấp Vĩnh Nam	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°12'07"	106°13'45"					C-48-45-C-b
ấp Vĩnh Phú	DC	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°11'28"	106°12'47"					C-48-45-C-b
Quốc lộ 57	KX	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-C-b
cầu Cái Mơn Lớn	KX	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°12'39"	106°13'00"					C-48-45-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Cái Mơn Nhỏ	KX	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°12'40"	106°12'44"					C-48-45-C-b
cầu Cây Da	KX	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°11'57"	106°12'55"					C-48-45-C-b
cầu Hòa Khánh	KX	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách	10°11'12"	106°13'29"					C-48-45-C-b
kênh Ông Kèo	TV	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách			10°12'39"	106°14'23"	10°11'18"	106°13'41"	C-48-45-C-b
kênh Vàm Xã	TV	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách			10°10'08"	106°12'10"	10°12'37"	106°12'54"	C-48-45-C-b
rạch Cái Mơn	TV	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách			10°12'37"	106°12'54"	10°13'36"	106°10'49"	C-48-45-C-b
rạch Cái Sơn	TV	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách			10°12'00"	106°11'39"	10°10'43"	106°12'19"	C-48-45-C-b
rạch Chùa Đạo Luông	TV	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách			10°10'34"	106°13'14"	10°10'36"	106°12'18"	C-48-45-C-b
sông Cái Mơn	TV	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách			10°12'37"	106°12'54"	10°12'39"	106°14'18"	C-48-45-C-b
sông Hòa Khánh	TV	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách			10°11'11"	106°14'07"	10°10'34"	106°13'14"	C-48-45-C-b
sông Vàm Mơn	TV	xã Vĩnh Thành	H. Chợ Lách			10°12'39"	106°14'18"	10°14'24"	106°13'28"	C-48-45-C-b
Ấp 5A	DC	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm	10°09'50"	106°29'57"					C-48-45-D-b
Ấp 5B	DC	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm	10°11'07"	106°30'31"					C-48-46-C-a
Ấp 6	DC	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm	10°09'48"	106°30'11"					C-48-46-C-a
Khu phố 1	DC	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm	10°08'59"	106°30'25"					C-48-46-C-a
Khu phố 2	DC	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm	10°09'11"	106°30'18"					C-48-46-C-a
Khu phố 3	DC	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm	10°09'55"	106°31'00"					C-48-46-C-a
Đường tỉnh 885	KX	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm			10°14'09"	106°24'14"	9°58'54"	106°36'03"	C-48-46-C-a; C-48-45-D-b
Di tích kiến trúc nghệ thuật Đình Bình Hòa	KX	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm	10°10'02"	106°29'53"					C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Giải Phóng	TV	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm			10°05'06"	106°37'18"	10°04'22"	106°36'28"	C-48-46-C-a; C-48-45-D-b
Kênh Xáng	TV	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm			10°10'35"	106°31'20"	10°09'21"	106°31'53"	C-48-46-C-a
sông Bến Miễu	TV	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm			10°09'55"	106°30'56"	10°10'52"	106°29'11"	C-48-45-D-b; C-48-46-C-a
sông Đìa Da	TV	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm			10°10'08"	106°30'08"	10°10'52"	106°29'11"	C-48-46-C-a; C-48-45-D-b
sông Giồng Trôm	TV	TT. Giồng Trôm	H. Giồng Trôm			10°09'03"	106°29'30"	10°13'41"	106°24'44"	C-48-46-C-a; C-48-45-D-b
Ấp 4	DC	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm	10°11'22"	106°29'36"					C-48-45-D-b
ấp Bình Tiên 1	DC	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm	10°10'49"	106°30'52"					C-48-46-C-a
ấp Bình Tiên 2	DC	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm	10°09'19"	106°31'03"					C-48-46-C-a
ấp Đông Ngô	DC	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm	10°09'11"	106°30'03"					C-48-46-C-a
ấp Kinh Ngoài	DC	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm	10°10'21"	106°29'22"					C-48-45-D-b
ấp Kinh Trong	DC	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm	10°11'03"	106°29'00"					C-48-45-D-b
ấp Tây Kinh	DC	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm	10°09'40"	106°28'54"					C-48-45-D-b
Đường tỉnh 885	KX	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°14'09"	106°24'14"	9°58'54"	106°36'03"	C-48-45-D-b
cầu Bình Chánh	KX	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm	10°10'49"	106°29'04"					C-48-45-D-b
kênh Bùng Binh	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'43"	106°29'49"	10°12'14"	106°29'32"	C-48-45-D-b
kênh Giải Phóng	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'15"	106°29'46"	10°10'10"	106°32'31"	C-48-45-D-b; C-48-46-c-a
kênh Ông Bảy	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°09'55"	106°28'51"	10°06'10"	106°26'44"	C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thanh Niên	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'13"	106°30'59"	10°10'35"	106°31'20"	C-48-46-C-a
kênh Tổng Hay	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°08'53"	106°29'26"	10°07'43"	106°30'15"	C-48-45-D-b
Kênh Xáng	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°10'35"	106°31'20"	10°09'21"	106°31'53"	C-48-46-C-a
rạch Ông Lẫm	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'54"	106°28'45"	10°10'21"	106°28'36"	C-48-45-D-b
rạch Xẻo Môn	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°12'47"	106°30'52"	10°11'17"	106°29'29"	C-48-45-D-b
rạch Xẻo Sạn	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°12'14"	106°29'09"	10°11'17"	106°29'21"	C-48-45-D-b
sông Bến Miễu	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°09'55"	106°30'56"	10°10'52"	106°29'11"	C-48-46-C-a; C-48-45-D-b
sông Bình Chánh	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'17"	106°29'21"	10°10'07"	106°28'35"	C-48-45-D-b
sông Chợ Mới	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°08'19"	106°28'53"	10°09'56"	106°29'09"	C-48-45-D-b
sông Đất Sét	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°09'14"	106°27'53"	10°10'07"	106°28'35"	C-48-45-D-b
sông Đìa Da	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°10'08"	106°30'08"	10°10'52"	106°29'11"	C-48-45-D-b
sông Giồng Trôm	TV	xã Bình Hòa	H. Giồng Trôm			10°09'03"	106°29'30"	10°13'41"	106°24'44"	C-48-45-D-b; C-48-46-c-a
ấp Bình An	DC	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm	10°08'40"	106°30'16"					C-48-46-C-a
ấp Bình Đông	DC	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm	10°08'20"	106°31'10"					C-48-46-C-a
ấp Bình Lợi	DC	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm	10°07'46"	106°31'59"					C-48-46-C-a
ấp Bình Phú	DC	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm	10°08'09"	106°30'16"					C-48-46-C-a
ấp Bình Tiên	DC	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm	10°09'03"	106°31'03"					C-48-46-C-a
ấp Hồ Sen	DC	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm	10°08'47"	106°32'31"					C-48-46-C-a
Đường tỉnh 885	KX	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm			10°14'09"	106°24'14"	9°58'54"	106°36'03"	C-48-46-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 9A	TV	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm			10°08'51"	106°31'11"	10°05'08"	106°34'22"	C-48-46-C-a
kênh Tự Chảy	TV	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm			10°07'43"	106°30'15"	10°03'42"	106°34'55"	C-48-46-C-c; C-48-46-C-a
sông Châu Bình	TV	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm			10°08'49"	106°33'38"	10°12'02"	106°32'53"	C-48-46-C-a
sông Giồng Trôm	TV	xã Bình Thành	H. Giồng Trôm			10°09'03"	106°29'30"	10°13'41"	106°24'44"	C-48-46-C-a; C-48-45-D-b
ấp Bình An	DC	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°11'29"	106°33'02"					C-48-46-C-a
ấp Bình Đông A	DC	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°11'39"	106°31'38"					C-48-46-C-a
ấp Bình Đông B	DC	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°10'07"	106°32'19"					C-48-46-C-a
ấp Bình Khương	DC	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°10'33"	106°34'03"					C-48-46-C-a
ấp Bình Lợi	DC	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°11'10"	106°32'21"					C-48-46-C-a
ấp Bình Long	DC	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°09'33"	106°32'42"					C-48-46-C-a
ấp Bình Phú	DC	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°11'52"	106°32'00"					C-48-46-C-a
ấp Bình Thạnh	DC	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°12'17"	106°31'25"					C-48-46-C-a
ấp Bình Xuân	DC	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°09'18"	106°32'59"					C-48-46-C-a
tuyến đò Giồng Kiến	KX	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°11'16"	106°34'32"					C-48-46-C-a
trại giam Châu Bình	KX	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm	10°11'23"	106°34'00"					C-48-46-C-a
kênh Giải Phóng	TV	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm			10°11'15"	106°29'46"	10°10'10"	106°32'31"	C-48-46-C-a
Kênh Giữa	TV	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm			10°10'37"	106°33'00"	10°09'35"	106°33'50"	C-48-46-C-a
kênh Hồ Chẹt	TV	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm			10°11'09"	106°34'30"	10°09'53"	106°35'06"	C-48-46-C-a
rạch Kim Mô	TV	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm			10°11'17"	106°32'02"	10°12'22"	106°30'32"	C-48-46-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Cạn	TV	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm			10°10'04"	106°32'33"	10°10'29"	106°33'02"	C-48-46-C-a
sông Ba Lai	TV	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-46-C-a
sông Châu Bình	TV	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm			10°08'49"	106°33'38"	10°12'02"	106°32'53"	C-48-46-C-a
xẻo Cả Ngang	TV	xã Châu Bình	H. Giồng Trôm			10°11'52"	106°31'25"	10°12'56"	106°31'03"	C-48-46-C-a
ấp Phú An	DC	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°13'28"	106°29'47"					C-48-45-D-b
ấp Phú Hòa	DC	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°13'07"	106°29'26"					C-48-45-D-b
ấp Phú Tân	DC	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°12'13"	106°28'51"					C-48-45-D-b
ấp Phú Thuận	DC	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°12'51"	106°28'58"					C-48-45-D-b
ấp Phú Trị	DC	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°13'12"	106°30'04"					C-48-46-C-a
ấp Thới An	DC	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°12'46"	106°30'49"					C-48-46-C-a
ấp Thới Hòa	DC	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°12'48"	106°29'43"					C-48-45-D-b
ấp Thới Thuận	DC	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°11'50"	106°30'15"					C-48-46-C-a
ấp Thới Trị	DC	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°12'15"	106°30'45"					C-48-46-C-a
Đường tỉnh 885	KX	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°14'09"	106°24'14"	9°58'54"	106°36'03"	C-48-45-D-b
cầu Lương Quới	KX	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°12'09"	106°28'31"					C-48-45-D-b
tuyến đò Thới An	KX	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm	10°13'01"	106°31'06"					C-48-46-C-a
kênh Bùng Binh	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'43"	106°29'49"	10°12'14"	106°29'32"	C-48-45-D-b
kênh Giải Phóng	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'15"	106°29'46"	10°10'10"	106°32'31"	C-48-46-C-a
rạch Cầu Đúc	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°13'19"	106°28'53"	10°11'23"	106°27'46"	C-48-45-D-b
rạch Châu Hòa	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°12'27"	106°30'16"	10°14'05"	106°29'21"	C-48-45-D-b; C-48-46-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Kim Mô	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'17"	106°32'02"	10°12'22"	106°30'32"	C-48-46-C-a
rạch Vàm Hồ	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°13'54"	106°29'36"	10°13'00"	106°31'00"	C-48-45-D-b; C-48-46-C-a
rạch Xẻo Môn	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°12'47"	106°30'52"	10°11'17"	106°29'29"	C-48-46-C-a; C-48-45-D-b
rạch Xẻo Sạn	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°12'14"	106°29'09"	10°11'17"	106°29'21"	C-48-45-D-b
sông Ba Lai	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-46-C-a; C-48-46-C-a
xẻo Cả Ngang	TV	xã Châu Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'52"	106°31'25"	10°12'56"	106°31'03"	C-48-46-C-a
ấp Bàu Lò	DC	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm	10°05'58"	106°27'37"					C-48-45-D-d
ấp Cái Da	DC	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm	10°04'52"	106°27'30"					C-48-45-D-d
ấp Hưng Lễ	DC	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm	10°05'02"	106°28'05"					C-48-45-D-d
ấp Hưng Nghĩa 1	DC	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm	10°04'06"	106°28'02"					C-48-45-D-d
ấp Hưng Nghĩa 2	DC	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm	10°03'38"	106°27'41"					C-48-45-D-d
Ấp Rẩy	DC	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm	10°04'38"	106°27'18"					C-48-45-D-d
Di tích lịch sử Ngôi nhà ông Nguyễn Văn Trác - Nơi ở và làm việc của đồng chí Lê Duẩn tháng 11/1955 - 3/1956	KX	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm	10°04'46"	106°27'34"					C-48-45-D-d
Kênh Dưới	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°05'13"	106°28'21"	10°04'53"	106°27'53"	C-48-45-D-d
Kênh Trên	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°05'27"	106°28'14"	10°04'44"	106°27'20"	C-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Da	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°05'26"	106°26'56"	10°04'18"	106°27'54"	C-48-45-D-d
rạch Lòng Ống	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°02'14"	106°29'16"	10°04'18"	106°27'54"	C-48-45-D-d
sông Bàu Lò	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°05'26"	106°26'56"	10°06'18"	106°27'27"	C-48-45-D-d
sông Đìa Bàu	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°04'39"	106°31'38"	10°04'33"	106°28'38"	C-48-45-D-d
sông Giồng Lực	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°06'30"	106°27'17"	10°05'13"	106°28'21"	C-48-45-D-d
sông Hàm Luông	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-d
sông Miễu Ông	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°05'13"	106°28'21"	10°04'33"	106°28'38"	C-48-45-D-d
sông Ngã Ba	TV	xã Hưng Lễ	H. Giồng Trôm			10°04'33"	106°28'38"	10°04'07"	106°27'13"	C-48-45-D-d
ấp Bàu Dơi	DC	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm	10°05'58"	106°28'31"					C-48-45-D-d
ấp Hưng An Đông	DC	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm	10°04'47"	106°29'19"					C-48-45-D-d
ấp Hưng An Tây	DC	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm	10°05'01"	106°28'59"					C-48-45-D-d
ấp Hưng Bình	DC	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm	10°06'36"	106°30'03"					C-48-46-C-c
ấp Hưng Hòa Đông	DC	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm	10°05'13"	106°30'03"					C-48-46-C-c
ấp Hưng Hòa Tây	DC	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm	10°05'25"	106°30'18"					C-48-46-C-c
Đường tỉnh 885	KX	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm			10°14'09"	106°24'14"	9°58'54"	106°36'03"	C-48-46-C-c; C-48-45-D-d
Đường tỉnh 887	KX	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm			10°13'24"	106°21'46"	10°05'57"	106°29'53"	C-48-45-D-d
sông Cầu Đập	TV	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm			10°05'21"	106°30'55"	10°04'40"	106°28'40"	C-48-45-D-d; C-48-46-C-c
sông Đìa Bàu	TV	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm			10°04'39"	106°31'38"	10°04'33"	106°28'38"	C-48-45-D-d
sông Giồng Lực	TV	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm			10°06'30"	106°27'17"	10°05'13"	106°28'21"	C-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hương Điểm	TV	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°28'53"	10°11'13"	106°26'45"	C-48-45-D-d
sông La Mã	TV	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°28'53"	10°05'45"	106°28'04"	C-48-45-D-d
sông Miễu Ông	TV	xã Hưng Nhượng	H. Giồng Trôm			10°05'13"	106°28'21"	10°04'33"	106°28'38"	C-48-45-D-d
Ấp 1	DC	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°09'22"	106°22'45"					C-48-45-D-b
Ấp 2	DC	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°08'30"	106°23'25"					C-48-45-D-b
Ấp 3	DC	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°07'45"	106°24'04"					C-48-45-D-b
Ấp 4	DC	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°07'15"	106°24'06"					C-48-45-D-d
ấp Hưng Điền	DC	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°07'36"	106°24'08"					C-48-45-D-b
ấp Hưng Long	DC	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°08'55"	106°23'04"					C-48-45-D-b
ấp Hưng Phú	DC	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°08'34"	106°23'25"					C-48-45-D-b
ấp Hưng Quý	DC	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°08'00"	106°23'28"					C-48-45-D-b
cầu Long Thành	KX	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°10'25"	106°22'19"					C-48-45-D-a
tuyến phà Hưng Phong	KX	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°09'02"	106°23'24"					C-48-45-D-b
Cù lao Đeo	TV	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°10'16"	106°22'00"					C-48-45-D-a
Cù lao Ốc	TV	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm	10°08'10"	106°23'22"					C-48-45-D-b
rạch Cái Tôm	TV	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm			10°07'59"	106°23'13"	10°06'50"	106°24'18"	C-48-45-D-b; C-48-45-D-d
sông Hàm Luông	TV	xã Hưng Phong	H. Giồng Trôm			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-b; C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
ấp Linh Lân	DC	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm	10°09'40"	106°27'04"					C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Linh Long	DC	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm	10°09'18"	106°27'24"					C-48-45-D-b
ấp Linh Phụng	DC	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm	10°08'45"	106°26'53"					C-48-45-D-b
ấp Linh Qui	DC	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm	10°09'33"	106°28'18"					C-48-45-D-b
ấp Mỹ An	DC	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm	10°09'21"	106°25'40"					C-48-45-D-b
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm	10°09'58"	106°26'09"					C-48-45-D-b
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm	10°09'14"	106°26'20"					C-48-45-D-b
Đường tỉnh 887	KX	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°13'24"	106°21'46"	10°05'57"	106°29'53"	C-48-45-D-b
cầu Ba Lạc	KX	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm	10°08'59"	106°26'43"					C-48-45-D-b
rạch Ba Lạc	TV	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°08'39"	106°26'43"	10°09'24"	106°26'54"	C-48-45-D-b
rạch Lá Lạc	TV	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°10'04"	106°27'50"	10°09'24"	106°27'52"	C-48-45-D-b
rạch Ông Nhiễu	TV	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°10'22"	106°25'36"	10°09'54"	106°26'45"	C-48-45-D-b
Rạch Rừng	TV	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°07'33"	106°27'18"	10°08'37"	106°25'20"	C-48-45-D-b
rạch Thủ Cửu	TV	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°09'20"	106°25'52"	10°08'20"	106°24'09"	C-48-45-D-b
sông Cầu U	TV	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°07'38"	106°27'45"	10°09'14"	106°27'53"	C-48-45-D-b
sông Đất Sét	TV	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°09'14"	106°27'53"	10°10'07"	106°28'35"	C-48-45-D-b
sông Giồng Trôm	TV	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°09'03"	106°29'30"	10°13'41"	106°24'44"	C-48-45-D-b
sông Hương Điểm	TV	xã Long Mỹ	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°28'53"	10°11'13"	106°26'45"	C-48-45-D-b
ấp Hòa Bình	DC	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm	10°12'07"	106°26'32"					C-48-45-D-b
ấp Hòa Lợi	DC	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm	10°10'15"	106°27'16"					C-48-45-D-b
ấp Hòa Thạnh A	DC	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm	10°11'00"	106°27'11"					C-48-45-D-b
ấp Hòa Thạnh B	DC	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm	10°10'55"	106°28'02"					C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Hòa Trị	DC	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm	10°11'57"	106°27'17"					C-48-45-D-b
ấp Phong Điền	DC	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm	10°12'44"	106°26'26"					C-48-45-D-b
Đường tỉnh 885	KX	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°14'09"	106°24'14"	9°58'54"	106°36'03"	C-48-45-D-b
rạch Ba Vông	TV	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'23"	106°27'46"	10°11'20"	106°26'37"	C-48-45-D-b
rạch Bàu Dung	TV	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°10'04"	106°27'26"	10°10'27"	106°28'00"	C-48-45-D-b
rạch Đồng Gò	TV	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°12'23"	106°27'53"	10°11'40"	106°27'33"	C-48-45-D-b
rạch Đường Xuồng	TV	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°10'05"	106°27'38"	10°10'48"	106°27'27"	C-48-45-D-b
rạch Lá Lạc	TV	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°10'04"	106°27'50"	10°09'24"	106°27'52"	C-48-45-D-b
rạch Ông Lẫm	TV	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'54"	106°28'45"	10°10'21"	106°28'36"	C-48-45-D-b
sông Bình Chánh	TV	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°11'17"	106°29'21"	10°10'07"	106°28'35"	C-48-45-D-b
sông Giồng Trôm	TV	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°09'03"	106°29'30"	10°13'41"	106°24'44"	C-48-45-D-b
sông Hương Điểm	TV	xã Lương Hòa	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°28'53"	10°11'13"	106°26'45"	C-48-45-D-b
ấp Long Ngoại	DC	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm	10°12'32"	106°25'51"					C-48-45-D-b
ấp Long Nội	DC	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm	10°11'41"	106°25'55"					C-48-45-D-b
ấp Lương Phú 1	DC	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm	10°12'08"	106°25'18"					C-48-45-D-b
ấp Lương Phú 2	DC	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm	10°11'36"	106°25'11"					C-48-45-D-b
ấp Lương Quới	DC	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm	10°11'14"	106°25'40"					C-48-45-D-b
ấp Phụng Ngoại	DC	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm	10°11'11"	106°26'29"					C-48-45-D-b
ấp Xẻo Nhỏ	DC	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm	10°10'32"	106°26'25"					C-48-45-D-b
ấp Xẻo Sâu	DC	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm	10°10'47"	106°25'39"					C-48-45-D-b
Rạch Chùa	TV	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm			10°11'17"	106°26'06"	10°11'30"	106°26'24"	C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ông Dưng	TV	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm			10°11'30"	106°25'53"	10°10'48"	106°26'25"	C-48-45-D-b
rạch Xẻo Sâu	TV	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm			10°10'20"	106°26'10"	10°10'59"	106°26'43"	C-48-45-D-b
sông Giồng Trôm	TV	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm			10°09'03"	106°29'30"	10°13'41"	106°24'44"	C-48-45-D-b
sông Hương Điểm	TV	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°28'53"	10°11'13"	106°26'45"	C-48-45-D-b
sông Tài Phú	TV	xã Lương Phú	H. Giồng Trôm			10°10'20"	106°26'10"	10°12'53"	106°25'56"	C-48-45-D-b
ấp Đồng Nhơn	DC	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm	10°11'43"	106°28'29"					C-48-45-D-b
ấp Lương Thuận	DC	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm	10°12'01"	106°28'05"					C-48-45-D-b
ấp Qui Nghĩa	DC	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm	10°11'23"	106°28'18"					C-48-45-D-b
Đường tỉnh 885	KX	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm			10°14'09"	106°24'14"	9°58'54"	106°36'03"	C-48-45-D-b
cầu Lương Quới	KX	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm	10°12'09"	106°28'31"					C-48-45-D-b
rạch Ba Vông	TV	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm			10°11'23"	106°27'46"	10°11'20"	106°26'37"	C-48-45-D-b
rạch Cầu Đúc	TV	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm			10°13'19"	106°28'53"	10°11'23"	106°27'46"	C-48-45-D-b
rạch Đồng Gò	TV	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm			10°12'23"	106°27'53"	10°11'40"	106°27'33"	C-48-45-D-b
rạch Ông Lẫm	TV	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm			10°11'54"	106°28'45"	10°10'21"	106°28'36"	C-48-45-D-b
rạch Xẻo Sạn	TV	xã Lương Quới	H. Giồng Trôm			10°12'14"	106°29'09"	10°11'17"	106°29'21"	C-48-45-D-b
ấp Bến Đò	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm	10°13'04"	106°25'14"					C-48-45-D-b
ấp Cái Chốt	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm	10°13'06"	106°24'39"					C-48-45-D-b
ấp Cái Tắc	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm	10°12'26"	106°24'58"					C-48-45-D-b
ấp Căn Cứ	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm	10°13'33"	106°26'02"					C-48-45-D-b
Ấp Chợ	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm	10°13'16"	106°26'00"					C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Nghĩa Huấn	DC	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm	10°13'45"	106°25'16"					C-48-45-D-b
Đường tỉnh 885	KX	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm			10°14'09"	106°24'14"	9°58'54"	106°36'03"	C-48-45-D-b
cầu Chẹt Sậy	KX	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm	10°13'52"	106°25'01"					C-48-45-D-b
chợ Mỹ Lồng	KX	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm	10°13'21"	106°25'52"					C-48-45-D-b
Di tích lịch sử Mộ và Đền thờ Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng	KX	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm	10°13'15"	106°25'56"					C-48-45-D-b
rạch Cái Sơn	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm			10°11'13"	106°23'16"	10°13'21"	106°24'57"	C-48-45-D-b
sông Bến Tre	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm			10°15'55"	106°26'14"	10°13'13"	106°21'00"	C-48-45-D-b
sông Giồng Trôm	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm			10°09'03"	106°29'30"	10°13'41"	106°24'44"	C-48-45-D-b
sông Tài Phú	TV	xã Mỹ Thạnh	H. Giồng Trôm			10°10'20"	106°26'10"	10°12'53"	106°25'56"	C-48-45-D-b
ấp Phong Hòa	DC	xã Phong Mỹ	H. Giồng Trôm	10°14'16"	106°28'36"					C-48-45-D-b
ấp Phong Phú	DC	xã Phong Mỹ	H. Giồng Trôm	10°13'55"	106°28'13"					C-48-45-D-b
ấp Phong Quới	DC	xã Phong Mỹ	H. Giồng Trôm	10°14'15"	106°27'34"					C-48-45-D-b
ấp Phong Thuận	DC	xã Phong Mỹ	H. Giồng Trôm	10°14'40"	106°27'48"					C-48-45-D-b
rạch Châu Hòa	TV	xã Phong Mỹ	H. Giồng Trôm			10°12'27"	106°30'16"	10°14'05"	106°29'21"	C-48-45-D-b
sông Ba Lai	TV	xã Phong Mỹ	H. Giồng Trôm			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-D-b; C-48-45-B-d
ấp Cầu Hòa	DC	xã Phong Nẫm	H. Giồng Trôm	10°13'57"	106°26'21"					C-48-45-D-b
ấp Giồng Sậy	DC	xã Phong Nẫm	H. Giồng Trôm	10°14'22"	106°26'38"					C-48-45-D-b
ấp Kinh Cũ	DC	xã Phong Nẫm	H. Giồng Trôm	10°14'52"	106°26'44"					C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Di tích lịch sử Các chứng tích về cuộc thảm sát 286 người vô tội do thực dân Pháp tiến hành năm 1947	KX	xã Phong Nẫm	H. Giồng Trôm	10°13'58"	106°26'17"					C-48-45-D-b
kênh Giao Hòa	TV	xã Phong Nẫm	H. Giồng Trôm			10°17'49"	106°26'50"	10°15'54"	106°26'14"	C-48-45-B-d
sông Ba Lai	TV	xã Phong Nẫm	H. Giồng Trôm			10°18'06"	106°11'14"	10°02'18"	106°41'20"	C-48-45-B-d; C-48-45-D-b
sông Bến Tre	TV	xã Phong Nẫm	H. Giồng Trôm			10°15'55"	106°26'14"	10°13'13"	106°21'00"	C-48-45-B-d; C-48-45-D-b
ấp Long Điền	DC	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°10'02"	106°24'24"					C-48-45-D-b
ấp Long Thạnh	DC	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°09'31"	106°23'22"					C-48-45-D-b
ấp Long Thị	DC	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°09'20"	106°23'53"					C-48-45-D-b
ấp Mỹ Chánh 1	DC	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°08'04"	106°24'45"					C-48-45-D-b
ấp Mỹ Chánh 2	DC	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°08'21"	106°25'41"					C-48-45-D-b
ấp Mỹ Quới	DC	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°09'26"	106°25'29"					C-48-45-D-b
ấp Mỹ Thanh	DC	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°09'27"	106°24'32"					C-48-45-D-b
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°08'35"	106°24'25"					C-48-45-D-b
ấp Phước Mỹ	DC	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°08'50"	106°24'04"					C-48-45-D-b
Đường tỉnh 887	KX	xã Phước Long	H. Giồng Trôm			10°13'24"	106°21'46"	10°05'57"	106°29'53"	C-48-45-D-b
chợ Bến Tranh	KX	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°09'12"	106°23'22"					C-48-45-D-b
tuyến phà Hưng Phong	KX	xã Phước Long	H. Giồng Trôm	10°09'02"	106°23'24"					C-48-45-D-b
kênh Thầy Năm	TV	xã Phước Long	H. Giồng Trôm			10°11'33"	106°23'42"	10°10'15"	106°24'19"	C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Phòng	TV	xã Phước Long	H. Giồng Trôm			10°08'54"	106°24'26"	10°08'35"	106°23'56"	C-48-45-D-b
rạch Cầu Đập	TV	xã Phước Long	H. Giồng Trôm			10°10'23"	106°22'43"	10°09'15"	106°23'26"	C-48-45-D-b
Rạch Heo	TV	xã Phước Long	H. Giồng Trôm			10°06'45"	106°26'58"	10°08'34"	106°25'18"	C-48-45-D-b
Rạch Rừng	TV	xã Phước Long	H. Giồng Trôm			10°07'33"	106°27'18"	10°08'37"	106°25'20"	C-48-45-D-b
rạch Thủ Cửu	TV	xã Phước Long	H. Giồng Trôm			10°09'20"	106°25'52"	10°08'20"	106°24'09"	C-48-45-D-b
ấp Long Hiệp	DC	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°10'49"	106°22'43"					C-48-45-D-b
ấp Long Thành	DC	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°11'14"	106°22'03"					C-48-45-D-a
ấp Long Thuận	DC	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°11'49"	106°22'25"					C-48-45-D-a
ấp Phú Hòa	DC	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°11'13"	106°22'37"					C-48-45-D-b
ấp Sơn Hòa	DC	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°10'18"	106°23'33"					C-48-45-D-b
ấp Sơn Thuận	DC	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°10'29"	106°22'58"					C-48-45-D-b
ấp Tân Điền I	DC	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°10'59"	106°23'29"					C-48-45-D-b
ấp Tân Điền II	DC	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°11'32"	106°23'03"					C-48-45-D-b
Đường tỉnh 887	KX	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm			10°13'24"	106°21'46"	10°05'57"	106°29'53"	C-48-45-D-b; C-48-45-D-a
cầu Long Thành	KX	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°10'25"	106°22'19"					C-48-45-D-a
cồn Long Thành	TV	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm	10°11'40"	106°21'48"					C-48-45-D-a
kênh Thầy Năm	TV	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm			10°11'33"	106°23'42"	10°10'15"	106°24'19"	C-48-45-D-b
rạch Cái Sơn	TV	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm			10°11'13"	106°23'16"	10°13'21"	106°24'57"	C-48-45-D-b
rạch Cầu Đập	TV	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm			10°10'23"	106°22'43"	10°09'15"	106°23'26"	C-48-45-D-b
rạch Thợ Hồi	TV	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm			10°11'46"	106°22'50"	10°11'33"	106°23'42"	C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Hàm Luông	TV	xã Sơn Phú	H. Giồng Trôm			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-a; C-48-45-D-b
ấp Đội Bảy	DC	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°08'32"	106°27'25"					C-48-45-D-b
ấp Giồng Bà Mén	DC	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°08'41"	106°28'25"					C-48-45-D-b
ấp Giồng Bà Thủ	DC	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°08'09"	106°28'19"					C-48-45-D-b
ấp Giồng Ông Xồm	DC	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°07'39"	106°28'07"					C-48-45-D-b
ấp Giồng Tre Quạ	DC	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°06'43"	106°28'02"					C-48-45-D-d
ấp Tân Thị	DC	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°08'10"	106°27'47"					C-48-45-D-b
ấp Tân Thị Đình	DC	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°08'47"	106°27'50"					C-48-45-D-b
Đường tỉnh 887	KX	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm			10°13'24"	106°21'46"	10°05'57"	106°29'53"	C-48-45-D-b; C-48-45-D-d
cầu Hương Điểm	KX	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°08'09"	106°27'41"					C-48-45-D-b
cầu Lộ Quẹo	KX	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°08'34"	106°28'22"					C-48-45-D-b
cầu Lương Ngang	KX	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm	10°07'57"	106°27'55"					C-48-45-D-b
kênh Ông Bảy	TV	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm			10°09'55"	106°28'51"	10°06'10"	106°26'44"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-b
sông Cầu U	TV	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm			10°07'38"	106°27'45"	10°09'14"	106°27'53"	C-48-45-D-b
sông Chợ Mới	TV	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm			10°08'19"	106°28'53"	10°09'56"	106°29'09"	C-48-45-D-b
sông Đất Sét	TV	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm			10°09'14"	106°27'53"	10°10'07"	106°28'35"	C-48-45-D-b
sông Giồng Lực	TV	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm			10°06'30"	106°27'17"	10°05'13"	106°28'21"	C-48-45-D-d
sông Hương Điểm	TV	xã Tân Hào	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°28'53"	10°11'13"	106°26'45"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Giồng Chủ	DC	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm	10°06'56"	106°27'10"					C-48-45-D-d
ấp Giồng Chùa	DC	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm	10°07'12"	106°26'42"					C-48-45-D-d
ấp Giồng Đồng	DC	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm	10°07'48"	106°26'24"					C-48-45-D-d
ấp Giồng Lực	DC	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm	10°06'36"	106°27'24"					C-48-45-D-d
ấp Giồng Sâu	DC	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm	10°08'06"	106°27'21"					C-48-45-D-b
ấp Miếu Điền	DC	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm	10°07'19"	106°27'22"					C-48-45-D-d
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm	10°06'36"	106°26'53"					C-48-45-D-d
Đường tỉnh 887	KX	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm			10°13'24"	106°21'46"	10°05'57"	106°29'53"	C-48-45-D-b
cầu Hương Điểm	KX	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm	10°08'09"	106°27'41"					C-48-45-D-b
kênh Ông Bảy	TV	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm			10°09'55"	106°28'51"	10°06'10"	106°26'44"	C-48-45-D-d
Rạch Heo	TV	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm			10°06'45"	106°26'58"	10°08'34"	106°25'18"	C-48-45-D-b; C-48-45-D-d
Rạch Rừng	TV	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm			10°07'33"	106°27'18"	10°08'37"	106°25'20"	C-48-45-D-b
sông Bàu Lò	TV	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm			10°05'26"	106°26'56"	10°06'18"	106°27'27"	C-48-45-D-d
sông Giồng Lực	TV	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm			10°06'30"	106°27'17"	10°05'13"	106°28'21"	C-48-45-D-d
sông Hương Điểm	TV	xã Tân Lợi Thạnh	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°28'53"	10°11'13"	106°26'45"	C-48-45-D-b; C-48-45-D-d
ấp An Thuận	DC	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm	10°06'44"	106°29'20"					C-48-45-D-d
ấp Bình Thuận	DC	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm	10°07'41"	106°30'06"					C-48-46-C-a
ấp Tân Bình	DC	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm	10°06'41"	106°29'20"					C-48-45-D-d
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm	10°07'27"	106°29'29"					C-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm	10°08'28"	106°28'59"					C-48-45-D-b
ấp Tân Phước	DC	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm	10°07'12"	106°30'07"					C-48-46-C-c
Đường tỉnh 885	KX	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm			10°14'09"	106°24'14"	9°58'54"	106°36'03"	C-48-46-C-a; C-48-46-C-c; C-48-45-D-d
Đường tỉnh 887	KX	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm			10°13'24"	106°21'46"	10°05'57"	106°29'53"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-b
cầu Cây Da	KX	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm	10°07'44"	106°30'07"					C-48-46-C-a
kênh Ông Bảy	TV	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm			10°09'55"	106°28'51"	10°06'10"	106°26'44"	C-48-45-D-b
kênh Tổng Hay	TV	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm			10°08'53"	106°29'26"	10°07'43"	106°30'15"	C-48-45-D-b; C-48-45-C-a
kênh Tự Chảy	TV	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm			10°07'43"	106°30'15"	10°03'42"	106°34'55"	C-48-46-C-c; C-48-45-C-a
sông Chợ Mới	TV	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm			10°08'19"	106°28'53"	10°09'56"	106°29'09"	C-48-45-D-b
sông Hương Điểm	TV	xã Tân Thanh	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°28'53"	10°11'13"	106°26'45"	C-48-45-D-d
ấp Hưng An A	DC	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°06'45"	106°26'10"					C-48-45-D-d
ấp Hưng An B	DC	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°07'07"	106°25'12"					C-48-45-D-d
ấp Hưng Bình A	DC	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°05'41"	106°26'58"					C-48-45-D-d
ấp Hưng Bình B	DC	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°05'38"	106°26'18"					C-48-45-D-d
ấp Hưng Phú A	DC	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°07'41"	106°25'15"					C-48-45-D-b
ấp Hưng Phú B	DC	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°08'17"	106°24'24"					C-48-45-D-b
ấp Quý Điền A	DC	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°05'44"	106°25'19"					C-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Quý Điền B	DC	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°04'54"	106°26'22"					C-48-45-D-d
Cầu Đình	KX	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°06'12"	106°26'11"					C-48-45-D-d
Cồn Lá	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°04'37"	106°26'35"					C-48-45-D-d
Cồn Linh	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm	10°06'18"	106°25'00"					C-48-45-D-d
kênh Ông Bảy	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°09'55"	106°28'51"	10°06'10"	106°26'44"	C-48-45-D-d
kênh Vĩnh Phúc	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°05'31"	106°27'12"	10°06'03"	106°26'24"	C-48-45-D-d
rạch Cái Mít	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°26'02"	10°07'21"	106°24'52"	C-48-45-D-d
rạch Cầu Đình	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°06'25"	106°26'02"	10°05'26"	106°26'56"	C-48-45-D-d
Rạch Chùa	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°06'04"	106°25'23"	10°06'03"	106°25'00"	C-48-45-D-d
rạch Chuồng Vịt	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°05'53"	106°25'32"	10°05'42"	106°25'16"	C-48-45-D-d
Rạch Heo	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°06'45"	106°26'58"	10°08'34"	106°25'18"	C-48-45-D-b
rạch Ông Sáu	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°06'11"	106°25'18"	10°06'06"	106°24'59"	C-48-45-D-d
rạch Thủ Cửu	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°09'20"	106°25'52"	10°08'20"	106°24'09"	C-48-45-D-b
sông Bàu Lò	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°05'26"	106°26'56"	10°06'18"	106°27'27"	C-48-45-D-d
sông Hàm Luông	TV	xã Thạnh Phú Đông	H. Giồng Trôm			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-b
ấp Ngã Tắc	DC	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm	10°11'25"	106°24'46"					C-48-45-D-b
ấp Phú Điền	DC	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm	10°10'08"	106°25'47"					C-48-45-D-b
ấp Phú Hòa	DC	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm	10°10'34"	106°24'54"					C-48-45-D-b
ấp Phú Thứ Ngoài	DC	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm	10°11'52"	106°24'20"					C-48-45-D-b
ấp Phú Thứ Trong	DC	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm	10°11'25"	106°24'03"					C-48-45-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phú Thuận	DC	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm	10°10'58"	106°24'47"					C-48-45-D-b
ấp Thập Tư	DC	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm	10°10'10"	106°25'07"					C-48-45-D-b
Đường tỉnh 887	KX	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm			10°13'24"	106°21'46"	10°05'57"	106°29'53"	C-48-45-D-b
Cầu Đỏ	KX	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm	10°09'58"	106°24'58"					C-48-45-D-b
cầu Nguyễn Tấn Ngãi	KX	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm	10°10'03"	106°24'43"					C-48-45-D-b
kênh Thầy Năm	TV	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm			10°11'33"	106°23'42"	10°10'15"	106°24'19"	C-48-45-D-b
rạch Cái Sơn	TV	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm			10°11'13"	106°23'16"	10°13'21"	106°24'57"	C-48-45-D-b
rạch Cây Dứa	TV	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm			10°09'56"	106°25'48"	10°10'09"	106°24'51"	C-48-45-D-b
rạch Ông Nhiễu	TV	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm			10°10'22"	106°25'36"	10°09'54"	106°26'45"	C-48-45-D-b
rạch Thợ Hồi	TV	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm			10°11'46"	106°22'50"	10°11'33"	106°23'42"	C-48-45-D-b
sông Tài Phú	TV	xã Thuận Điền	H. Giồng Trôm			10°10'20"	106°26'10"	10°12'53"	106°25'56"	C-48-45-D-b
ấp Hòa Bình	DC	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'08"	106°19'44"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Hưng	DC	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'50"	106°19'22"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Nghĩa	DC	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'22"	106°18'43"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Phước	DC	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'43"	106°18'32"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Thới	DC	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'37"	106°19'13"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Thuận I	DC	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'06"	106°18'06"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Thuận II	DC	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'27"	106°18'09"					C-48-45-D-a
ấp Hưng Long	DC	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'22"	106°19'03"					C-48-45-D-a
Quốc lộ 60	KX	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-D-a
cầu Hòa Lộc	KX	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'02"	106°19'43"					C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bưng Cát	TV	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'05"	106°17'56"	10°08'31"	106°18'34"	C-48-45-D-a
rạch Cá Sấu	TV	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'37"	106°20'07"	10°10'04"	106°20'29"	C-48-45-D-a
rạch Đập Lá	TV	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'06"	106°17'08"	10°10'09"	106°18'33"	C-48-45-D-a
rạch Nước Chảy	TV	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'40"	106°19'17"	10°10'00"	106°19'34"	C-48-45-D-a
Rạch Vong	TV	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'28"	106°19'32"	10°09'04"	106°20'05"	C-48-45-D-a
sông Dòng Keo	TV	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'43"	106°16'49"	10°09'57"	106°19'56"	C-48-45-D-a
sông Mỏ Cày	TV	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°07'11"	106°18'44"	10°09'57"	106°19'56"	C-48-45-D-a
sông Nhà Nguyện	TV	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'16"	106°18'06"	10°09'45"	106°18'57"	C-48-45-D-a
Sông Xép	TV	xã Hòa Lộc	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'35"	106°16'57"	10°12'01"	106°20'31"	C-48-45-D-a
ấp Cái Tắc	DC	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'41"	106°14'36"					C-48-45-C-b
ấp Gia Khánh	DC	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'48"	106°15'36"					C-48-45-D-a
ấp Gia Phước	DC	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'23"	106°15'18"					C-48-45-D-a
ấp Hưng Nhơn	DC	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'13"	106°14'53"					C-48-45-C-b
ấp Phú Xuân	DC	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'24"	106°14'30"					C-48-45-C-b
ấp Tân Hưng	DC	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'53"	106°15'29"					C-48-45-D-a
ấp Tân Nhơn	DC	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'49"	106°15'21"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Điền	DC	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'54"	106°14'26"					C-48-45-C-b
Đường tỉnh 882	KX	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'14"	106°19'52"	10°10'42"	106°15'54"	C-48-45-D-a
Quốc lộ 57	KX	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-a; C-48-45-C-b
rạch Cái Tắc	TV	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'05"	106°15'21"	10°11'11"	106°14'07"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cầu Kinh	TV	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'59"	106°15'55"	10°12'01"	106°14'48"	C-48-45-D-a
rạch Cầu Ong	TV	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'05"	106°14'44"	10°10'05"	106°14'13"	C-48-45-C-b
rạch Đình Ba	TV	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'05"	106°15'21"	10°11'01"	106°15'46"	C-48-45-D-a
rạch Gò Cốc	TV	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'57"	106°14'31"	10°10'05"	106°14'13"	C-48-45-D-a; C-48-45-C-b
Rạch Phụng	TV	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'34"	106°15'34"	10°11'29"	106°14'49"	C-48-45-D-a; C-48-45-C-b
sông Cái Hàng	TV	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'33"	106°16'02"	10°09'07"	106°13'12"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-a
sông Thanh Điền	TV	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'05"	106°14'13"	10°09'09"	106°14'05"	C-48-45-C-b
sông Vĩnh Hòa	TV	xã Hưng Khánh Trung A	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'05"	106°15'21"	10°12'31"	106°15'01"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-a
ấp Khánh Thạnh	DC	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°05'50"	106°15'50"					C-48-45-D-c
ấp Tài Đại	DC	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°07'01"	106°16'43"					C-48-45-D-c
ấp Tân Hưng	DC	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°05'21"	106°16'07"					C-48-45-D-c
ấp Tân Lợi	DC	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°05'37"	106°16'44"					C-48-45-D-c
ấp Tích Đức	DC	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°06'28"	106°16'32"					C-48-45-D-c
ấp Tích Khánh	DC	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°06'53"	106°15'45"					C-48-45-D-c
ấp Tích Phúc	DC	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°07'02"	106°17'17"					C-48-45-D-c
ấp Vĩnh Trị	DC	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°06'35"	106°17'22"					C-48-45-D-c
rạch Bến Xoài	TV	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°07'18"	106°15'31"	10°06'31"	106°15'05"	C-48-45-D-c
rạch Bưng Cát	TV	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°07'25"	106°17'40"	10°07'21"	106°18'36"	C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cầu Dừa	TV	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°06'31"	106°15'37"	10°05'56"	106°17'02"	C-48-45-D-c
rạch Đìa Muồng	TV	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°07'34"	106°17'13"	10°07'03"	106°14'44"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-a
sông Cổ Chiên	TV	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-D-c
Sông Thơm	TV	xã Khánh Thạnh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°07'11"	106°18'44"	10°04'39"	106°16'36"	C-48-45-D-c
ấp Bến Xoài	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°06'56"	106°15'22"					C-48-45-D-c
ấp Cầu Cống	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°06'33"	106°15'11"					C-48-45-D-c
ấp Giồng Chùa	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°07'39"	106°15'32"					C-48-45-D-a
ấp Giồng Đắc	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'20"	106°14'47"					C-48-45-C-b
ấp Giồng Giữa	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°07'50"	106°15'04"					C-48-45-D-a
ấp Giồng Lớn	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°07'52"	106°15'55"					C-48-45-D-a
ấp Giồng Nâu	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'55"	106°14'47"					C-48-45-C-b
ấp Giồng Trôm	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'09"	106°14'11"					C-48-45-C-b
ấp Giồng Xép	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'07"	106°16'05"					C-48-45-D-a
ấp Phú Mỹ	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'05"	106°13'24"					C-48-45-C-b
ấp Tân Nhuận	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°07'25"	106°14'30"					C-48-45-C-d
ấp Trung Xuân	DC	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'43"	106°14'08"					C-48-45-C-b
rạch Bến Xoài	TV	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°07'18"	106°15'31"	10°06'31"	106°15'05"	C-48-45-D-c; C-48-45-C-d
rạch Đìa Muồng	TV	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°07'34"	106°17'13"	10°07'03"	106°14'44"	C-48-45-D-c; C-48-45-C-d
rạch Giồng Dầu	TV	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'40"	106°15'38"	10°07'51"	106°17'05"	C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cái Hàng	TV	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'33"	106°16'02"	10°09'07"	106°13'12"	C-48-45-C-b; C-48-45-D-a
sông Cổ Chiên	TV	xã Nhuận Phú Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-C-b; C-48-45-C-d; C-48-45-D-c
ấp Kinh Gãy	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'59"	106°15'17"					C-48-45-D-a
ấp Mỹ Sơn Đông	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'41"	106°15'10"					C-48-45-D-a
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'07"	106°16'00"					C-48-45-D-a
ấp Phú Thạnh	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'25"	106°15'56"					C-48-45-D-a
ấp Phú Thuận	DC	xã Phú Mỹ	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'20"	106°15'31"					C-48-45-D-a
rạch Bà Chủ	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỏ Cày Bắc			10°13'16"	106°16'05"	10°12'31"	106°15'01"	C-48-45-D-a
rạch Bảo Vàng	TV	xã Phú Mỹ	H. Mỏ Cày Bắc			10°13'58"	106°15'47"	10°13'26"	106°14'12"	C-48-45-C-b
ấp Phước Hậu	DC	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'35"	106°15'57"					C-48-45-D-a
ấp Phước Khánh	DC	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'28"	106°16'08"					C-48-45-D-a
ấp Phước Lý	DC	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'49"	106°16'43"					C-48-45-D-a
ấp Phước Trung	DC	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'34"	106°15'58"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Hòa	DC	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'10"	106°15'51"					C-48-45-D-a
Đường tỉnh 882	KX	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'14"	106°19'52"	10°10'42"	106°15'54"	C-48-45-D-a
cầu Ba Vát	KX	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'04"	106°16'16"					C-48-45-D-a
rạch Bà Chủ	TV	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc			10°13'16"	106°16'05"	10°12'31"	106°15'01"	C-48-45-D-a
rạch Cầu Kinh	TV	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'59"	106°15'55"	10°12'01"	106°14'48"	C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Sâu	TV	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc			10°13'00"	106°16'02"	10°11'59"	106°15'55"	C-48-45-D-a
sông Ba Vát	TV	xã Phước Mỹ Trung	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'01"	106°15'46"	10°10'43"	106°16'49"	C-48-45-D-a
ấp Tân An	DC	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'21"	106°17'46"					C-48-45-D-a
ấp Tân Đức A	DC	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'40"	106°17'54"					C-48-45-D-a
ấp Tân Đức B	DC	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'39"	106°18'15"					C-48-45-D-a
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°07'58"	106°16'25"					C-48-45-D-a
ấp Tân Mỹ	DC	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'51"	106°17'29"					C-48-45-D-a
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'01"	106°17'10"					C-48-45-D-a
ấp Tân Thuận	DC	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°07'41"	106°17'34"					C-48-45-D-a
Quốc lộ 57	KX	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-a
cầu Giồng Keo	KX	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'01"	106°17'07"					C-48-45-D-a
rạch Bánh Tráng	TV	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'06"	106°17'07"	10°09'15"	106°15'47"	C-48-45-D-a
rạch Bưng Cát	TV	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'05"	106°17'56"	10°08'31"	106°18'34"	C-48-45-D-a
rạch Đìa Muồng	TV	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°07'34"	106°17'13"	10°07'03"	106°14'44"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-a
rạch Giồng Dầu	TV	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'40"	106°15'38"	10°07'51"	106°17'05"	C-48-45-D-a; C-48-45-D-c
sông Nhà Nguyện	TV	xã Tân Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'16"	106°18'06"	10°09'45"	106°18'57"	C-48-45-D-a
ấp Tân Hòa Ngoài	DC	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'18"	106°17'50"					C-48-45-D-a
ấp Tân Hòa Trong	DC	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'24"	106°18'28"					C-48-45-D-a
ấp Tân Lợi	DC	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'12"	106°17'20"					C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'37"	106°17'07"					C-48-45-D-a
ấp Tân Thuận Ngoài	DC	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'12"	106°17'18"					C-48-45-D-a
ấp Tân Thuận Trong	DC	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'54"	106°17'53"					C-48-45-D-a
Đường tỉnh 882	KX	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'14"	106°19'52"	10°10'42"	106°15'54"	C-48-45-D-a
cầu Ông Tạo	KX	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'15"	106°17'30"					C-48-45-D-a
Di tích lịch sử Căn cứ quân khu ủy Sài Gòn - Gia Định (7/1969 - 10/1970)	KX	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'17"	106°17'55"					C-48-45-D-a
rạch Cái Cau	TV	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'25"	106°18'38"	10°11'43"	106°17'55"	C-48-45-D-a
rạch Cầu Kênh	TV	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'39"	106°17'24"	10°13'41"	106°17'46"	C-48-45-D-a
rạch Đập Lá	TV	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'06"	106°17'08"	10°10'09"	106°18'33"	C-48-45-D-a
Rạch Sơn	TV	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'52"	106°17'03"	10°12'39"	106°17'24"	C-48-45-D-a
sông Cát Lở	TV	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'43"	106°17'55"	10°10'43"	106°16'49"	C-48-45-D-a
sông Đồng Dài	TV	xã Tân Phú Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'39"	106°17'24"	10°11'43"	106°17'55"	C-48-45-D-a
ấp Chợ Xếp	DC	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'12"	106°19'52"					C-48-45-D-a
ấp Tân Long I	DC	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'04"	106°18'56"					C-48-45-D-a
ấp Tân Long II	DC	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'06"	106°19'19"					C-48-45-D-a
ấp Tân Long III	DC	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'59"	106°20'17"					C-48-45-D-a
ấp Tân Thiện	DC	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'49"	106°19'25"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Bình I	DC	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'48"	106°19'51"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Bình II	DC	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'59"	106°20'29"					C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thành Hóa I	DC	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'33"	106°20'37"					C-48-45-D-a
ấp Thành Hóa II	DC	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'41"	106°20'37"					C-48-45-D-a
Đường tỉnh 882	KX	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'14"	106°19'52"	10°10'42"	106°15'54"	C-48-45-D-a
Quốc lộ 60	KX	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-D-a
cầu Cái Cấm	KX	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'40"	106°20'05"					C-48-45-D-a
Chợ Xếp	KX	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'03"	106°19'42"					C-48-45-D-a
rạch Cá Sấu	TV	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'37"	106°20'07"	10°10'04"	106°20'29"	C-48-45-D-a
rạch Cái Ngang	TV	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'29"	106°19'05"	10°13'27"	106°19'14"	C-48-45-D-a
rạch Cầu Đình	TV	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'37"	106°20'42"	10°10'58"	106°21'18"	C-48-45-D-a
Rạch Kênh	TV	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'06"	106°19'48"	10°10'51"	106°20'13"	C-48-45-D-a
sông Cái Cấm	TV	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°15'14"	106°15'54"	10°11'53"	106°20'58"	C-48-45-D-a
sông Hàm Luông	TV	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-a
Sông Xép	TV	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'35"	106°16'57"	10°12'01"	106°20'31"	C-48-45-D-a
vàm Nước Trong	TV	xã Tân Thành Bình	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'04"	106°20'29"	10°10'33"	106°21'24"	C-48-45-D-a
ấp Sùng Tân	DC	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'16"	106°15'58"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Bắc	DC	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'51"	106°16'24"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Đông	DC	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'07"	106°16'53"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Nam	DC	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'06"	106°16'56"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Tây	DC	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°09'22"	106°16'25"					C-48-45-D-a
ấp Xóm Gò	DC	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°08'34"	106°16'31"					C-48-45-D-a
Quốc lộ 57	KX	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Giồng Keo	KX	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'01"	106°17'07"					C-48-45-D-a
rạch Bánh Tráng	TV	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'06"	106°17'07"	10°09'15"	106°15'47"	C-48-45-D-a
rạch Giồng Dầu	TV	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'40"	106°15'38"	10°07'51"	106°17'05"	C-48-45-D-a
sông Cái Hàng	TV	xã Tân Thanh Tây	H. Mỏ Cày Bắc			10°08'33"	106°16'02"	10°09'07"	106°13'12"	C-48-45-D-a
ấp Đông An	DC	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'28"	106°19'18"					C-48-45-D-a
ấp Đông Hòa	DC	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'58"	106°18'06"					C-48-45-D-a
ấp Đông Lợi	DC	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'24"	106°17'44"					C-48-45-D-a
ấp Đông Thành	DC	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'34"	106°17'09"					C-48-45-D-a
ấp Đông Thạnh	DC	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc	10°11'49"	106°18'11"					C-48-45-D-a
ấp Đông Thuận	DC	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'31"	106°16'23"					C-48-45-D-a
ấp Đông Trị	DC	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'04"	106°18'36"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Hòa	DC	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc	10°10'43"	106°15'59"					C-48-45-D-a
Quốc lộ 57	KX	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-a
Đường tỉnh 882	KX	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'14"	106°19'52"	10°10'42"	106°15'54"	C-48-45-D-a
rạch Bánh Tráng	TV	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'06"	106°17'07"	10°09'15"	106°15'47"	C-48-45-D-a
rạch Cái Cau	TV	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'25"	106°18'38"	10°11'43"	106°17'55"	C-48-45-D-a
rạch Đập Lá	TV	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'06"	106°17'08"	10°10'09"	106°18'33"	C-48-45-D-a
sông Ba Vát	TV	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'01"	106°15'46"	10°10'43"	106°16'49"	C-48-45-D-a
sông Cát Lở	TV	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°11'43"	106°17'55"	10°10'43"	106°16'49"	C-48-45-D-a
sông Đồng Dài	TV	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'39"	106°17'24"	10°11'43"	106°17'55"	C-48-45-D-a
sông Dòng Keo	TV	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'43"	106°16'49"	10°09'57"	106°19'56"	C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Xép	TV	xã Thành An	H. Mỏ Cày Bắc			10°10'35"	106°16'57"	10°12'01"	106°20'31"	C-48-45-D-a
ấp Chợ Cũ	DC	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'30"	106°16'14"					C-48-45-D-a
ấp Chợ Mới	DC	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'50"	106°15'40"					C-48-45-D-a
ấp Gia Thạnh	DC	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'08"	106°17'28"					C-48-45-D-a
ấp Ông Cốm	DC	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'00"	106°16'53"					C-48-45-D-a
ấp Ông Thung	DC	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'26"	106°16'58"					C-48-45-D-a
ấp Tân Ngãi	DC	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'40"	106°18'14"					C-48-45-D-a
ấp Thủ Sở	DC	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'19"	106°18'54"					C-48-45-D-a
ấp Xóm Cối	DC	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'14"	106°17'17"					C-48-45-D-a
rạch Cái Dọc	TV	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc			10°13'58"	106°18'06"	10°13'27"	106°19'09"	C-48-45-D-a
rạch Cái Ngang	TV	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc			10°12'29"	106°19'05"	10°13'27"	106°19'14"	C-48-45-D-a
rạch Cầu Đúc	TV	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc			10°13'18"	106°17'44"	10°13'41"	106°17'46"	C-48-45-D-a
rạch Ông Thung	TV	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc			10°13'58"	106°16'43"	10°14'36"	106°17'11"	C-48-45-D-a
sông Cái Cấm	TV	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc			10°15'14"	106°15'54"	10°11'53"	106°20'58"	C-48-45-D-a; C-48-45-B-c
sông Hàm Luông	TV	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-B-c
sông Ông Thảo	TV	xã Thạnh Ngãi	H. Mỏ Cày Bắc			10°13'41"	106°17'46"	10°14'20"	106°18'07"	C-48-45-D-a
ấp Tân Thông 1	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'56"	106°19'00"					C-48-45-D-a
ấp Tân Thông 2	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'51"	106°17'53"					C-48-45-D-a
ấp Tân Thông 3	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'53"	106°17'05"					C-48-45-D-a
ấp Tân Thông 4	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'54"	106°16'40"					C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Thông 5	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°15'05"	106°16'22"					C-48-45-B-c
ấp Thanh Sơn 1	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'42"	106°20'25"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Sơn 2	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'19"	106°19'45"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Sơn 3	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°13'52"	106°19'32"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Sơn 4	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'19"	106°18'55"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Xuân 1	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°15'10"	106°17'56"					C-48-45-B-c
ấp Thanh Xuân 2	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'58"	106°17'09"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Xuân 3	DC	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°15'19"	106°16'44"					C-48-45-B-c
Quốc lộ 60	KX	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-D-a
cầu Cái Cấm	KX	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°12'40"	106°20'05"					C-48-45-D-a
cầu Hàm Luông	KX	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc	10°14'11"	106°19'57"					C-48-45-D-a
kênh Mái Dầm	TV	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°14'37"	106°19'10"	10°14'12"	106°18'33"	C-48-45-D-a
rạch Tân Thông	TV	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°15'10"	106°17'00"	10°14'21"	106°18'09"	C-48-45-D-a; C-48-45-B-c
sông Cái Cấm	TV	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°15'14"	106°15'54"	10°11'53"	106°20'58"	C-48-45-D-a; C-48-45-B-c
sông Hàm Luông	TV	xã Thanh Tân	H. Mỏ Cày Bắc			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-B-c; C-48-45-D-a
ấp An Thới	DC	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°07'57"	106°20'38"					C-48-45-D-a
ấp Tân Phước	DC	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°08'42"	106°20'01"					C-48-45-D-a
Khu phố 1	DC	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°08'01"	106°20'00"					C-48-45-D-a
Khu phố 2	DC	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°07'52"	106°19'52"					C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 3	DC	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°07'35"	106°20'06"					C-48-45-D-a
Khu phố 4	DC	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°07'29"	106°19'49"					C-48-45-D-c
Khu phố 5	DC	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°07'40"	106°19'36"					C-48-45-D-a
Khu phố 6	DC	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°07'55"	106°20'08"					C-48-45-D-a
Khu phố 7	DC	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°08'08"	106°19'51"					C-48-45-D-a
Quốc lộ 57	KX	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-a; C-48-45-D-c
Quốc lộ 60	KX	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-D-a; C-48-45-D-c
cầu 17 Tháng 1	KX	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam	10°07'49"	106°20'05"					C-48-45-D-a
rạch Cái Bè	TV	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam			10°08'20"	106°20'49"	10°08'05"	106°20'06"	C-48-45-D-a
rạch Cây Keo	TV	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam			10°07'29"	106°20'04"	10°07'21"	106°20'20"	C-48-45-D-c
Rạch Đình	TV	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam			10°08'22"	106°19'50"	10°08'22"	106°20'05"	C-48-45-D-c
rạch Ông Đình	TV	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam			10°08'45"	106°19'46"	10°07'55"	106°19'42"	C-48-45-D-a
Rạch Vong	TV	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam			10°08'28"	106°19'32"	10°09'04"	106°20'05"	C-48-45-D-a
sông Mỏ Cày	TV	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam			10°07'11"	106°18'44"	10°09'57"	106°19'56"	C-48-45-D-a; C-48-45-D-c
sông Mương Điều	TV	TT. Mỏ Cày	H. Mỏ Cày Nam			10°04'53"	106°19'10"	10°07'02"	106°20'30"	C-48-45-D-c
ấp Phú Đông 1	DC	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°04'52"	106°22'39"					C-48-45-D-d
ấp Phú Đông 2	DC	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°05'07"	106°22'05"					C-48-45-D-c
ấp Phú Lộc	DC	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°04'59"	106°20'40"					C-48-45-D-c
ấp Phú Lộc Hạ 1	DC	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°04'52"	106°21'52"					C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phú Lộc Hạ 2	DC	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°05'22"	106°21'28"					C-48-45-D-c
ấp Phú Lộc Thượng	DC	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°04'40"	106°21'04"					C-48-45-D-c
ấp Phú Lợi Hạ	DC	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°05'09"	106°23'24"					C-48-45-D-d
ấp Phú Lợi Thượng	DC	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°05'23"	106°22'53"					C-48-45-D-d
ấp Phú Tây	DC	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°04'15"	106°21'50"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 57	KX	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-c
cầu Ông Ngò	KX	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°04'49"	106°21'31"					C-48-45-D-c
cầu Ranh Tổng	KX	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam	10°05'43"	106°21'18"					C-48-45-D-c
kênh Căn Nông	TV	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam			10°05'06"	106°22'51"	10°05'03"	106°22'30"	C-48-45-D-d
kênh Đồng Khởi	TV	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam			10°05'18"	106°22'36"	10°04'06"	106°24'54"	C-48-45-D-d
Rạch Sau	TV	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam			10°04'49"	106°23'17"	10°06'06"	106°23'14"	C-48-45-D-d
sông An Quy	TV	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam			10°04'21"	106°20'50"	10°04'53"	106°20'08"	C-48-45-D-c
sông Cái Quao	TV	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam			10°05'19"	106°22'36"	10°06'43"	106°23'41"	C-48-45-D-d
sông Cầu Sập	TV	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam			10°04'54"	106°19'59"	10°06'20"	106°21'27"	C-48-45-D-c
sông Ông Ngò	TV	xã An Định	H. Mỏ Cày Nam			10°04'29"	106°21'02"	10°05'17"	106°22'36"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-d
ấp An Bình	DC	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam	10°06'32"	106°19'03"					C-48-45-D-c
ấp An Hòa	DC	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam	10°05'25"	106°18'10"					C-48-45-D-c
ấp An Lộc Giồng	DC	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam	10°05'44"	106°17'38"					C-48-45-D-c
ấp An Lộc Thị	DC	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam	10°05'58"	106°17'13"					C-48-45-D-c
ấp An Phong	DC	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam	10°06'11"	106°18'23"					C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Thới	DC	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam	10°05'18"	106°19'32"					C-48-45-D-c
ấp Vĩnh Khánh	DC	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam	10°06'30"	106°18'22"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 60	KX	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-D-c
kênh Ông Hiểu	TV	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam			10°05'40"	106°19'47"	10°05'24"	106°18'04"	C-48-45-D-c
rạch An Vĩnh	TV	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam			10°06'23"	106°19'30"	10°05'32"	106°18'09"	C-48-45-D-c
rạch Cầu Gò Phèn	TV	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam			10°07'11"	106°19'27"	10°06'07"	106°17'12"	C-48-45-D-c
sông Cả Chát Nhỏ	TV	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam			10°05'00"	106°19'03"	10°05'21"	106°16'54"	C-48-45-D-c
sông Cầu Mương Điều	TV	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam			10°04'53"	106°19'10"	10°06'46"	106°20'06"	C-48-45-D-c
sông Cầu Sập	TV	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam			10°04'54"	106°19'59"	10°06'20"	106°21'27"	C-48-45-D-c
sông Rạch Bần	TV	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam			10°03'13"	106°20'20"	10°04'35"	106°19'34"	C-48-45-D-c
Sông Thơm	TV	xã An Thạnh	H. Mỏ Cày Nam			10°07'11"	106°18'44"	10°04'39"	106°16'36"	C-48-45-D-c
ấp An Hòa	DC	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam	10°04'02"	106°21'33"					C-48-45-D-c
ấp An Lộc	DC	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam	10°04'16"	106°20'05"					C-48-45-D-c
ấp An Lợi	DC	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam	10°03'42"	106°20'26"					C-48-45-D-c
ấp An Phước	DC	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam	10°03'13"	106°20'52"					C-48-45-D-c
ấp An Quy	DC	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam	10°05'03"	106°20'13"					C-48-45-D-c
ấp An Thiện	DC	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam	10°04'08"	106°20'33"					C-48-45-D-c
ấp An Thuận	DC	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam	10°03'36"	106°20'02"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 57	KX	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-c
kênh Ba Lai	TV	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam			10°02'08"	106°21'10"	10°03'30"	106°22'03"	C-48-45-D-c
rạch An Thới	TV	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam			10°03'43"	106°19'31"	10°03'13"	106°20'20"	C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Kênh Sáng	TV	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam			10°02'54"	106°21'12"	10°02'47"	106°20'22"	C-48-45-D-c
sông An Quy	TV	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam			10°04'21"	106°20'50"	10°04'53"	106°20'08"	C-48-45-D-c
sông Cầu Sập	TV	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam			10°04'54"	106°19'59"	10°06'20"	106°21'27"	C-48-45-D-c
sông Rạch Bần	TV	xã An Thới	H. Mỏ Cày Nam			10°03'13"	106°20'20"	10°04'35"	106°19'34"	C-48-45-D-c
ấp Phú Đông Thượng	DC	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam	10°06'25"	106°23'43"					C-48-45-D-d
ấp Phú Tây Hạ	DC	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam	10°06'09"	106°23'25"					C-48-45-D-d
ấp Phú Tây Thượng	DC	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam	10°05'46"	106°23'05"					C-48-45-D-d
ấp Phước Điền	DC	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam	10°06'58"	106°22'26"					C-48-45-D-c
ấp Phước Hảo	DC	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam	10°06'38"	106°22'48"					C-48-45-D-d
ấp Phước Lý	DC	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam	10°06'13"	106°23'13"					C-48-45-D-d
ấp Phước Tân	DC	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam	10°07'12"	106°22'56"					C-48-45-D-d
rạch Ông Húc	TV	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam			10°06'21"	106°22'23"	10°05'52"	106°23'02"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
Rạch Sau	TV	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam			10°04'49"	106°23'17"	10°06'06"	106°23'14"	C-48-45-D-d
sông Cái Quao	TV	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam			10°05'19"	106°22'36"	10°06'43"	106°23'41"	C-48-45-D-d
sông Hàm Luông	TV	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-b
sông Rạch Ranh	TV	xã Bình Khánh Đông	H. Mỏ Cày Nam			10°07'41"	106°22'01"	10°06'20"	106°21'27"	C-48-45-D-c
ấp An Hòa	DC	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam	10°05'49"	106°21'48"					C-48-45-D-c
ấp An Hóa Đông	DC	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam	10°05'54"	106°22'38"					C-48-45-D-d
ấp An Hóa Tây	DC	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam	10°06'09"	106°22'21"					C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Ninh	DC	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam	10°05'28"	106°22'16"					C-48-45-D-c
ấp An Phước	DC	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam	10°06'27"	106°22'08"					C-48-45-D-c
ấp An Thạnh	DC	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam	10°05'54"	106°21'59"					C-48-45-D-c
rạch Ông Húc	TV	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam			10°06'21"	106°22'23"	10°05'52"	106°23'02"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
sông Cái Quao	TV	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam			10°05'19"	106°22'36"	10°06'43"	106°23'41"	C-48-45-D-d
sông Kênh Tư	TV	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam			10°06'20"	106°21'27"	10°05'19"	106°22'36"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-d
sông Rạch Ranh	TV	xã Bình Khánh Tây	H. Mỏ Cày Nam			10°07'41"	106°22'01"	10°06'20"	106°21'27"	C-48-45-D-c
ấp Bình Đông	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°01'54"	106°22'09"					C-48-45-D-c
ấp Bình Phú	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°01'39"	106°22'37"					C-48-45-D-d
ấp Bình Tây	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°02'11"	106°22'17"					C-48-45-D-c
ấp Long Trạch	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°00'23"	106°21'58"					C-48-45-D-c
ấp Nhuận Trạch	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°00'31"	106°22'01"					C-48-45-D-c
ấp Phú Hữu	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°01'44"	106°20'52"					C-48-45-D-c
ấp Phú Trạch 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°00'36"	106°22'44"					C-48-45-D-d
ấp Phú Trạch 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°01'00"	106°22'41"					C-48-45-D-d
ấp Thạnh Phó	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°00'56"	106°22'07"					C-48-45-D-c
ấp Thanh Sơn	DC	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam	10°01'53"	106°21'20"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 57	KX	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-d
kênh Rạch Vinh	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°01'12"	106°20'58"	10°01'23"	106°21'55"	C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Sáng 364	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°02'08"	106°21'46"	10°02'41"	106°22'31"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
kênh Sáng 364	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			9°59'42"	106°22'55"	10°01'20"	106°23'23"	C-48-45-D-d; C-48-57-B-d
kênh Sáng Bình Đông	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°01'45"	106°21'32"	10°02'16"	106°22'47"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
kênh Sáng Bình Tây	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°01'28"	106°21'27"	10°02'31"	106°22'37"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
kênh Sáng Thanh Sơn	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°01'56"	106°21'10"	10°01'49"	106°21'29"	C-48-45-D-c
rạch Ba Phó	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°01'03"	106°21'42"	10°00'23"	106°22'21"	C-48-45-D-c
rạch Tầm Bức	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°02'08"	106°21'10"	10°01'45"	106°20'32"	C-48-45-D-c
sông Bà Lựu	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°01'15"	106°22'46"	10°00'12"	106°22'18"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
sông Bình Phú	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°01'23"	106°21'55"	10°01'15"	106°22'46"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
sông Cổ Chiên	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-D-c; C-48-57-B-a; C-48-57-B-b
sông Tân Điền	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°03'20"	106°17'39"	10°00'48"	106°20'45"	C-48-45-D-c
sông Tân Huề	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°03'38"	106°24'29"	10°01'26"	106°22'30"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
Sông Thơm	TV	xã Cẩm Sơn	H. Mỏ Cày Nam			10°02'19"	106°20'10"	9°59'04"	106°23'03"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-d; C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Nhơn 1	DC	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°06'06"	106°21'18"					C-48-45-D-c
ấp An Nhơn 2	DC	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°06'22"	106°20'43"					C-48-45-D-c
ấp An Quy	DC	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°05'56"	106°20'10"					C-48-45-D-c
ấp An Vĩnh 1	DC	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°06'53"	106°19'27"					C-48-45-D-c
ấp An Vĩnh 2	DC	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°06'45"	106°19'59"					C-48-45-D-c
ấp Hội An	DC	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°07'00"	106°18'55"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 57	KX	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-c
cầu Mương Điều	KX	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°06'54"	106°20'24"					C-48-45-D-c
cầu Ranh Tổng	KX	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°05'43"	106°21'18"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 60	KX	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-D-c
sông Ấp 9	TV	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°07'02"	106°20'30"	10°06'20"	106°21'27"	C-48-45-D-c
sông Cầu Cây Dương	TV	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°06'23"	106°19'30"	10°06'46"	106°20'06"	C-48-45-D-c
sông Cầu Sập	TV	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°04'54"	106°19'59"	10°06'20"	106°21'27"	C-48-45-D-c
sông Mỏ Cày	TV	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°07'11"	106°18'44"	10°09'57"	106°19'56"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-a
sông Mương Điều	TV	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°04'53"	106°19'10"	10°07'02"	106°20'30"	C-48-45-D-c
Sông Thơm	TV	xã Đa Phước Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°02'19"	106°20'10"	9°59'04"	106°23'03"	C-48-45-D-c
ấp An Quới	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°08'20"	106°20'10"					C-48-45-D-a
ấp Định Hưng	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°08'23"	106°21'05"					C-48-45-D-a
ấp Định Nghĩa	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°08'25"	106°21'47"					C-48-45-D-a
ấp Định Nhơn	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°08'50"	106°20'53"					C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Định Thái	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°07'59"	106°21'04"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Phú 1	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°09'13"	106°20'32"					C-48-45-D-a
ấp Hòa Phú 2	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°09'44"	106°20'13"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Hưng	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°09'19"	106°21'25"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Phước	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°09'12"	106°21'53"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Thủy	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°10'09"	106°21'28"					C-48-45-D-a
ấp Thanh Vân	DC	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°09'43"	106°21'01"					C-48-45-D-a
cầu Ông Bồng	KX	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°08'13"	106°20'54"					C-48-45-D-a
Khu di tích lịch sử Đồng Khởi Bến Tre	KX	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam	10°08'42"	106°21'20"					C-48-45-D-a
rạch Cái Bè	TV	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam			10°08'20"	106°20'49"	10°08'05"	106°20'06"	C-48-45-D-a
rạch Cái Cạy	TV	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam			10°10'15"	106°21'15"	10°09'34"	106°21'30"	C-48-45-D-a
rạch Cầu Chùa	TV	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam			10°09'34"	106°21'30"	10°09'08"	106°22'04"	C-48-45-D-a
rạch Kỳ Hà	TV	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam			10°09'51"	106°21'20"	10°09'17"	106°20'05"	C-48-45-D-a
rạch Ông Bồng	TV	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam			10°07'58"	106°21'17"	10°08'20"	106°20'49"	C-48-45-D-a
sông Hàm Luông	TV	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-a
sông Mỏ Cày	TV	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam			10°07'11"	106°18'44"	10°09'57"	106°19'56"	C-48-45-D-a
vàm Nước Trong	TV	xã Định Thủy	H. Mỏ Cày Nam			10°10'04"	106°20'29"	10°10'33"	106°21'24"	C-48-45-D-a
ấp Bình Đông 1	DC	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	10°00'32"	106°23'47"					C-48-45-D-d
ấp Bình Đông 2	DC	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	9°59'45"	106°23'25"					C-48-57-B-b
ấp Bình Tây	DC	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	10°00'46"	106°23'35"					C-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Đức	DC	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	9°58'59"	106°24'42"					C-48-57-B-b
ấp Mỹ Trạch	DC	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	9°58'52"	106°23'32"					C-48-57-B-b
Ấp Phủ	DC	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	10°00'02"	106°24'24"					C-48-45-D-d
ấp Thạnh Đông	DC	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	10°01'37"	106°24'29"					C-48-45-D-d
ấp Thạnh Tây	DC	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	10°01'35"	106°23'55"					C-48-45-D-d
Ấp Thị	DC	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	10°00'53"	106°23'58"					C-48-45-D-d
Quốc lộ 57	KX	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-d
cầu Bình Đông	KX	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	10°00'19"	106°23'43"					C-48-45-D-d
cầu Hương Mỹ	KX	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam	10°01'05"	106°23'51"					C-48-45-D-d
kênh Chín Thước	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			10°01'14"	106°23'53"	9°59'02"	106°28'34"	C-48-45-D-d
Kênh Nỗi	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			10°00'59"	106°24'19"	10°04'08"	106°25'23"	C-48-45-D-d
kênh Phụ Nữ	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			10°00'21"	106°23'39"	9°59'56"	106°24'35"	C-48-45-D-d; C-48-57-B-b
kênh Sáng 364	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			9°59'42"	106°22'55"	10°01'20"	106°23'23"	C-48-45-D-d; C-48-57-B-d
rạch Bình Bát	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			9°58'37"	106°23'41"	9°59'31"	106°24'30"	C-48-57-B-b
Rạch Sâu	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			9°59'56"	106°24'35"	9°58'47"	106°24'47"	C-48-57-B-b
rạch Vàm Cả Lức	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			9°59'30"	106°26'39"	9°58'13"	106°24'18"	C-48-57-B-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-57-B-b
sông Hương Mỹ	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			9°59'38"	106°22'56"	10°01'14"	106°23'53"	C-48-45-D-d; C-48-57-B-b
sông Tân Hương	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			10°01'14"	106°23'53"	10°04'37"	106°25'31"	C-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Thơm	TV	xã Hương Mỹ	H. Mỏ Cày Nam			10°02'19"	106°20'10"	9°59'04"	106°23'03"	C-48-57-B-b
ấp Tân Hòa A	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°02'31"	106°23'18"					C-48-45-D-d
ấp Tân Hòa B	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°03'04"	106°23'51"					C-48-45-D-d
ấp Tân Phú Đông A	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°04'05"	106°25'04"					C-48-45-D-d
ấp Tân Phú Đông B	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°03'41"	106°25'55"					C-48-45-D-d
ấp Tân Phú Tây A	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°04'57"	106°24'57"					C-48-45-D-d
ấp Tân Phú Tây B	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°03'42"	106°24'38"					C-48-45-D-d
ấp Tân Quới Đông A	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°02'02"	106°24'31"					C-48-45-D-d
ấp Tân Quới Đông B	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°02'51"	106°24'42"					C-48-45-D-d
ấp Tân Quới Tây A	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°02'28"	106°24'34"					C-48-45-D-d
ấp Tân Quới Tây B	DC	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°03'26"	106°24'27"					C-48-45-D-d
Quốc lộ 57	KX	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-d
cầu Tân Huề	KX	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°02'05"	106°22'56"					C-48-45-D-d
Di tích lịch sử Chùa Tuyên Linh	KX	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam	10°03'07"	106°24'34"					C-48-45-D-d
kênh Đồng Khởi	TV	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam			10°05'18"	106°22'36"	10°04'06"	106°24'54"	C-48-45-D-d
kênh Lộ Chùa	TV	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam			10°03'05"	106°24'35"	10°03'01"	106°25'39"	C-48-45-D-d
Kênh Nỗi	TV	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam			10°00'59"	106°24'19"	10°04'08"	106°25'23"	C-48-45-D-d
rạch Cái Bần	TV	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam			10°01'27"	106°26'09"	10°04'05"	106°26'00"	C-48-45-D-d
sông Hàm Luông	TV	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-d
sông Tân Huề	TV	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam			10°03'38"	106°24'29"	10°01'26"	106°22'30"	C-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Tân Hương	TV	xã Minh Đức	H. Mỏ Cày Nam			10°01'14"	106°23'53"	10°04'37"	106°25'31"	C-48-45-D-d
ấp Bình Sơn	DC	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam	10°02'24"	106°21'03"					C-48-45-D-c
ấp Minh Nghĩa	DC	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam	10°03'00"	106°22'12"					C-48-45-D-c
ấp Phú Đăng	DC	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam	10°02'58"	106°20'25"					C-48-45-D-c
ấp Phú Sơn	DC	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam	10°02'51"	106°21'33"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 57	KX	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-d
kênh Ba Lai	TV	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam			10°02'08"	106°21'10"	10°03'30"	106°22'03"	C-48-45-D-c
kênh Sáng 364	TV	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam			10°02'08"	106°21'46"	10°02'41"	106°22'31"	C-48-45-D-c; C48-45-D-d
rạch An Thới	TV	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam			10°03'43"	106°19'31"	10°03'13"	106°20'20"	C-48-45-D-c
rạch Kênh Sáng	TV	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam			10°02'54"	106°21'12"	10°02'47"	106°20'22"	C-48-45-D-c
rạch Tầm Bức	TV	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam			10°02'08"	106°21'10"	10°01'45"	106°20'32"	C-48-45-D-c
sông Cả Chát Nhỏ	TV	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam			10°03'13"	106°20'20"	10°02'19"	106°20'10"	C-48-45-D-c
Sông Thơm	TV	xã Ngãi Đăng	H. Mỏ Cày Nam			10°02'19"	106°20'10"	9°59'04"	106°23'03"	C-48-45-D-c
ấp An Hòa	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°08'09"	106°21'51"					C-48-45-D-a
ấp An Khánh 1	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°07'50"	106°22'12"					C-48-45-D-a
ấp An Khánh 2	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°07'19"	106°22'10"					C-48-45-D-c
ấp An Thới	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°07'35"	106°21'43"					C-48-45-D-a
ấp An Trường	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°07'58"	106°22'38"					C-48-45-D-b
ấp Hiệp Phước	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°07'38"	106°20'35"					C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Phú 1	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°07'12"	106°21'44"					C-48-45-D-c
ấp Tân Phú 2	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°07'19"	106°21'33"					C-48-45-D-c
ấp Tân Qưới 1	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°07'11"	106°21'12"					C-48-45-D-c
ấp Tân Qưới 2	DC	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam	10°06'45"	106°21'20"					C-48-45-D-c
rạch Cái Bè	TV	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam			10°07'03"	106°22'01"	10°07'41"	106°21'17"	C-48-45-D-a; C-48-45-D-c
rạch Cái Bè Sâu	TV	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam			10°07'31"	106°21'34"	10°08'15"	106°22'34"	C-48-45-D-a
sông Ấp 9	TV	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam			10°07'02"	106°20'30"	10°06'20"	106°21'27"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-a
sông Hàm Luông	TV	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-a; C-48-45-D-b
sông Mỏ Cày	TV	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam			10°07'11"	106°18'44"	10°09'57"	106°19'56"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-a
sông Rạch Ranh	TV	xã Phước Hiệp	H. Mỏ Cày Nam			10°07'41"	106°22'01"	10°06'20"	106°21'27"	C-48-45-D-c; C-48-45-D-d; C-48-45-D-b
ấp Hội Thành	DC	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°07'22"	106°18'29"					C-48-45-D-c
ấp Phú Qưới	DC	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°08'10"	106°19'11"					C-48-45-D-a
ấp Tân Lộc	DC	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°07'28"	106°18'52"					C-48-45-D-c
ấp Vĩnh Hòa	DC	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam	10°06'43"	106°17'36"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 57	KX	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-c
Kênh Ngang	TV	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°08'31"	106°18'34"	10°07'21"	106°18'36"	C-48-45-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Quơi	TV	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°07'56"	106°18'41"	10°08'31"	106°18'34"	C-48-45-D-a
rạch Bưng Cát	TV	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°08'05"	106°17'56"	10°08'31"	106°18'34"	C-48-45-D-a
rạch Ông Đình	TV	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°08'45"	106°19'46"	10°07'55"	106°19'42"	C-48-45-D-a
Rạch Vong	TV	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°08'28"	106°19'32"	10°09'04"	106°20'05"	C-48-45-D-a
sông Mỏ Cày	TV	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°07'11"	106°18'44"	10°09'57"	106°19'56"	C-48-45-D-a; C-48-45-D-c
Sông Thơm	TV	xã Tân Hội	H. Mỏ Cày Nam			10°07'11"	106°18'44"	10°04'39"	106°16'36"	C-48-45-D-c
ấp Tân An	DC	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam	10°03'44"	106°23'11"					C-48-45-D-d
ấp Tân Hậu 1	DC	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam	10°03'01"	106°23'29"					C-48-45-D-d
ấp Tân Hậu 2	DC	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam	10°03'16"	106°23'43"					C-48-45-D-d
ấp Tân Lễ 1	DC	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam	10°03'51"	106°23'57"					C-48-45-D-d
ấp Tân Lễ 2	DC	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam	10°04'29"	106°24'08"					C-48-45-D-d
ấp Tân Ngãi	DC	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam	10°05'06"	106°24'16"					C-48-45-D-d
ấp Tân Thành Hạ	DC	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam	10°02'42"	106°22'52"					C-48-45-D-d
ấp Tân Thành Thượng	DC	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam	10°03'08"	106°22'35"					C-48-45-D-d
Quốc lộ 57	KX	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-d; C-48-45-D-c
cầu Tân Huề	KX	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam	10°02'05"	106°22'56"					C-48-45-D-d
kênh Đồng Khởi	TV	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam			10°05'18"	106°22'36"	10°04'06"	106°24'54"	C-48-45-D-d
sông Tân Huề	TV	xã Tân Trung	H. Mỏ Cày Nam			10°03'38"	106°24'29"	10°01'26"	106°22'30"	C-48-45-D-d
ấp An Trạch Đông	DC	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam	10°03'30"	106°18'42"					C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Tân Phong	DC	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam	10°01'50"	106°20'02"					C-48-45-D-c
ấp Thành Long	DC	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam	10°02'18"	106°18'55"					C-48-45-D-c
ấp Thới Đức	DC	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam	10°02'45"	106°20'04"					C-48-45-D-c
ấp Thới Hòa	DC	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam	10°04'40"	106°18'40"					C-48-45-D-c
ấp Thới Khương	DC	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam	10°03'47"	106°19'08"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 60	KX	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-D-c
cầu Cổ Chiên	KX	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam	10°02'30"	106°18'57"					C-48-45-D-c
Cồn Bần	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam	10°01'04"	106°20'22"					C-48-45-D-c
Cồn Dung	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam	10°01'37"	106°19'53"					C-48-45-D-c
kênh Giữa Đồng	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°04'23"	106°18'01"	10°03'02"	106°19'43"	C-48-45-D-c
khém Cồn Cát	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°01'33"	106°19'44"	10°01'46"	106°18'53"	C-48-45-D-c
khém Cồn Nẩy	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°02'34"	106°18'41"	10°03'09"	106°17'54"	C-48-45-D-c
khém Cồn Nhỏ	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°02'34"	106°18'41"	10°02'04"	106°19'21"	C-48-45-D-c
Khém Sâu	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°01'51"	106°19'31"	10°02'06"	106°18'29"	C-48-45-D-c
khém Vòng Xoay	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°02'34"	106°18'41"	10°02'48"	106°17'56"	C-48-45-D-c
rạch An Thới	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°03'43"	106°19'31"	10°03'13"	106°20'20"	C-48-45-D-c
Rạch Đập	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°02'56"	106°19'18"	10°02'28"	106°19'04"	C-48-45-D-c
Rạch Rừng	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°02'44"	106°19'11"	10°03'34"	106°18'31"	C-48-45-D-c
sông Cả Chát Lớn	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°05'02"	106°16'38"	10°02'19"	106°20'10"	C-48-45-D-c
sông Cả Chát Nhỏ	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°03'13"	106°20'20"	10°02'19"	106°20'10"	C-48-45-D-c
sông Cổ Chiên	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Rạch Bần	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°03'13"	106°20'20"	10°04'35"	106°19'34"	C-48-45-D-c
sông Tân Điền	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°03'20"	106°17'39"	10°00'48"	106°20'45"	C-48-45-D-c
Sông Thơm	TV	xã Thành Thới A	H. Mỏ Cày Nam			10°02'19"	106°20'10"	9°59'04"	106°23'03"	C-48-45-D-c
ấp An Thiện	DC	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam	10°05'08"	106°17'35"					C-48-45-D-c
ấp An Trạch Tây	DC	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam	10°03'53"	106°18'10"					C-48-45-D-c
ấp Bình Thạnh	DC	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam	10°04'43"	106°17'52"					C-48-45-D-c
ấp Tân An	DC	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam	10°04'07"	106°17'36"					C-48-45-D-c
ấp Tân Điền	DC	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam	10°03'52"	106°17'27"					C-48-45-D-c
ấp Tân Viên	DC	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam	10°04'54"	106°16'51"					C-48-45-D-c
Quốc lộ 60	KX	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam			10°19'59"	106°20'35"	10°01'46"	106°18'15"	C-48-45-D-c
Kênh Đình	TV	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam			10°04'45"	106°18'13"	10°04'05"	106°17'47"	C-48-45-D-c
kênh Giữa Đồng	TV	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam			10°04'23"	106°18'01"	10°03'02"	106°19'43"	C-48-45-D-c
Rạch Rừng	TV	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam			10°02'44"	106°19'11"	10°03'34"	106°18'31"	C-48-45-D-c
sông Cả Chát Lớn	TV	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam			10°05'02"	106°16'38"	10°02'19"	106°20'10"	C-48-45-D-c
sông Cả Chát Nhỏ	TV	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam			10°05'00"	106°19'03"	10°05'21"	106°16'54"	C-48-45-D-c
sông Cổ Chiên	TV	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-45-D-c
sông Tân Điền	TV	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam			10°03'20"	106°17'39"	10°00'48"	106°20'45"	C-48-45-D-c
Sông Thơm	TV	xã Thành Thới B	H. Mỏ Cày Nam			10°07'11"	106°18'44"	10°04'39"	106°16'36"	C-48-45-D-c
ấp Thạnh Hòa A	DC	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú	9°56'30"	106°29'24"					C-48-57-B-b
ấp Thạnh Hòa B	DC	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú	9°57'33"	106°30'16"					C-48-58-A-a
ấp Thạnh Quí	DC	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú	9°56'47"	106°30'43"					C-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Thạnh Trị Hạ	DC	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú	9°57'25"	106°30'52"					C-48-58-A-a
ấp Thạnh Trị Thượng	DC	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú	9°57'47"	106°30'38"					C-48-58-A-a
Quốc lộ 57	KX	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-58-A-a
kênh Mương Chùa	TV	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú			9°57'45"	106°31'16"	9°57'53"	106°30'24"	C-48-58-A-a
Kênh Xáng	TV	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú			9°57'09"	106°29'50"	9°57'00"	106°29'11"	C-48-57-B-b
rạch Cái Ráng Dòng	TV	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú			9°57'59"	106°28'55"	9°56'05"	106°28'20"	C-48-57-B-b
rạch Cái Ráng Sâu	TV	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú			9°56'15"	106°29'41"	9°55'34"	106°29'03"	C-48-57-B-b
Rạch Miễu	TV	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú			9°55'39"	106°31'39"	9°57'50"	106°31'57"	C-48-58-A-a
sông Băng Cung	TV	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-58-A-a
sông Cả Rá Sâu	TV	TT. Thạnh Phú	H. Thạnh Phú			9°58'54"	106°28'46"	9°56'51"	106°29'53"	C-48-57-B-b
ấp An Điền	DC	xã An Điền	H. Thạnh Phú	9°57'16"	106°35'23"					C-48-58-A-a
ấp An Khương A	DC	xã An Điền	H. Thạnh Phú	9°57'44"	106°34'31"					C-48-58-A-a
ấp An Khương B	DC	xã An Điền	H. Thạnh Phú	9°55'47"	106°34'46"					C-48-58-A-a
ấp Giang Hà	DC	xã An Điền	H. Thạnh Phú	9°56'09"	106°36'01"					C-48-58-A-a
đập Đá Hàn	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú	9°55'35"	106°37'45"					C-48-58-A-b
Kênh Giữa	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°57'38"	106°35'19"	9°56'37"	106°35'51"	C-48-58-A-a
Kênh Xáng	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°58'19"	106°34'32"	9°56'18"	106°36'59"	C-48-58-A-a
rạch Bà Hương	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°57'28"	106°35'03"	9°56'26"	106°34'16"	C-48-58-A-a
rạch Bà Tháp	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°55'57"	106°35'47"	9°55'03"	106°35'52"	C-48-58-A-a
rạch Bảy Dân	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°57'13"	106°34'46"	9°56'48"	106°35'03"	C-48-58-A-a
rạch Cái Cát Dưới	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°56'17"	106°35'43"	9°55'45"	106°34'44"	C-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Cừ	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°57'32"	106°33'30"	9°58'31"	106°34'35"	C-48-58-A-a
rạch Đại Đội Ba	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°55'52"	106°36'14"	9°57'05"	106°37'14"	C-48-58-A-a
Rạch Đáy	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°56'37"	106°35'42"	9°55'56"	106°34'39"	C-48-58-A-a
Rạch Diện	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°57'48"	106°34'26"	9°56'30"	106°34'01"	C-48-58-A-a
Rạch Dừa	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°56'59"	106°34'21"	9°57'00"	106°33'32"	C-48-58-A-a
rạch Kéo Cây	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°56'37"	106°35'51"	9°55'52"	106°36'14"	C-48-58-A-a
rạch Láng Cháy	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°56'14"	106°35'59"	9°56'20"	106°34'25"	C-48-58-A-a
Rạch Ngát	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°57'56"	106°34'18"	9°56'54"	106°35'21"	C-48-58-A-a
rạch Phong Lưu	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°57'50"	106°34'27"	9°57'19"	106°33'34"	C-48-58-A-a
rạch Tre Bông	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°55'23"	106°35'02"	9°55'54"	106°35'36"	C-48-58-A-a
rạch Vàm Rỗng	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°55'06"	106°37'17"	9°56'26"	106°38'17"	C-48-58-A-b; C-48-58-A-a
rạch Xẻo Lớn	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°56'24"	106°35'13"	9°56'36"	106°34'53"	C-48-58-A-a
sông Băng Cung	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-58-A-a
sông Hàm Luông	TV	xã An Điền	H. Thạnh Phú			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-58-A-a; C-48-58-A-b
ấp An Bình	DC	xã An Nhơn	H. Thạnh Phú	9°53'51"	106°34'40"					C-48-58-A-a
ấp An Định	DC	xã An Nhơn	H. Thạnh Phú	9°53'15"	106°34'56"					C-48-58-A-a
ấp An Hòa	DC	xã An Nhơn	H. Thạnh Phú	9°52'59"	106°35'01"					C-48-58-A-a
Quốc lộ 57	KX	xã An Nhơn	H. Thạnh Phú			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-58-A-a
rạch Cái Lớn	TV	xã An Nhơn	H. Thạnh Phú			9°51'48"	106°34'04"	9°52'51"	106°34'02"	C-48-58-A-c; C-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Băng Cung	TV	xã An Nhơn	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-58-A-a
sông Cả Bảy	TV	xã An Nhơn	H. Thạnh Phú			9°54'26"	106°33'50"	9°51'26"	106°33'27"	C-48-58-A-a; C-48-58-A-c
sông Eo Lói	TV	xã An Nhơn	H. Thạnh Phú			9°54'59"	106°35'56"	9°50'35"	106°34'18"	C-48-58-A-c; C-48-58-A-a
xẻo Lò Vôi	TV	xã An Nhơn	H. Thạnh Phú			9°51'28"	106°33'31"	9°51'48"	106°34'04"	C-48-58-A-c
ấp An Bình	DC	xã An Qui	H. Thạnh Phú	9°54'42"	106°33'22"					C-48-58-A-a
ấp An Huề	DC	xã An Qui	H. Thạnh Phú	9°53'02"	106°33'03"					C-48-58-A-a
ấp An Ninh	DC	xã An Qui	H. Thạnh Phú	9°56'08"	106°33'23"					C-48-58-A-a
ấp An Phú	DC	xã An Qui	H. Thạnh Phú	9°54'04"	106°33'08"					C-48-58-A-a
ấp An Thới	DC	xã An Qui	H. Thạnh Phú	9°55'20"	106°33'37"					C-48-58-A-a
ấp An Thủy	DC	xã An Qui	H. Thạnh Phú	9°52'12"	106°32'53"					C-48-58-A-c
Quốc lộ 57	KX	xã An Qui	H. Thạnh Phú			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-58-A-a
cầu An Qui	KX	xã An Qui	H. Thạnh Phú	9°54'57"	106°32'50"					C-48-58-A-a
rạch Bà Cần	TV	xã An Qui	H. Thạnh Phú			9°54'27"	106°33'52"	9°56'22"	106°34'16"	C-48-58-A-a
rạch Bến Giá	TV	xã An Qui	H. Thạnh Phú			9°55'44"	106°33'02"	9°56'27"	106°33'58"	C-48-58-A-a
rạch Giao Phai	TV	xã An Qui	H. Thạnh Phú			9°55'55"	106°34'08"	9°55'43"	106°34'42"	C-48-58-A-a
rạch Ông Nồm	TV	xã An Qui	H. Thạnh Phú			9°56'09"	106°33'19"	9°56'34"	106°33'42"	C-48-58-A-a
Rạch Ớt	TV	xã An Qui	H. Thạnh Phú			9°57'41"	106°32'39"	9°52'49"	106°31'45"	C-48-58-A-a
Rạch Rét	TV	xã An Qui	H. Thạnh Phú			9°56'21"	106°33'29"	9°56'47"	106°33'33"	C-48-58-A-a
sông Băng Cung	TV	xã An Qui	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cả Bảy	TV	xã An Qui	H. Thạnh Phú			9°54'26"	106°33'50"	9°51'26"	106°33'27"	C-48-58-A-a; C-48-58-A-c
sông Cổ Chiên	TV	xã An Qui	H. Thạnh Phú			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-58-A-c
ấp An Bình	DC	xã An Thạnh	H. Thạnh Phú	9°57'51"	106°31'49"					C-48-58-A-a
ấp An Ngãi A	DC	xã An Thạnh	H. Thạnh Phú	9°56'39"	106°32'32"					C-48-58-A-a
ấp An Ngãi B	DC	xã An Thạnh	H. Thạnh Phú	9°57'18"	106°32'05"					C-48-58-A-a
ấp An Thạnh	DC	xã An Thạnh	H. Thạnh Phú	9°57'33"	106°32'27"					C-48-58-A-a
Rạch Miễu	TV	xã An Thạnh	H. Thạnh Phú			9°55'39"	106°31'39"	9°57'50"	106°31'57"	C-48-58-A-a
Rạch Ớt	TV	xã An Thạnh	H. Thạnh Phú			9°57'41"	106°32'39"	9°52'49"	106°31'45"	C-48-58-A-a
sông Băng Cung	TV	xã An Thạnh	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-58-A-a
ấp An Điền	DC	xã An Thuận	H. Thạnh Phú	9°54'36"	106°32'14"					C-48-58-A-a
ấp An Hòa	DC	xã An Thuận	H. Thạnh Phú	9°56'11"	106°32'16"					C-48-58-A-a
ấp An Hội A	DC	xã An Thuận	H. Thạnh Phú	9°55'20"	106°32'30"					C-48-58-A-a
ấp An Hội B	DC	xã An Thuận	H. Thạnh Phú	9°55'01"	106°32'34"					C-48-58-A-a
ấp An Khương	DC	xã An Thuận	H. Thạnh Phú	9°54'08"	106°32'09"					C-48-58-A-a
ấp An Ninh A	DC	xã An Thuận	H. Thạnh Phú	9°52'59"	106°32'00"					C-48-58-A-a
ấp An Ninh B	DC	xã An Thuận	H. Thạnh Phú	9°53'56"	106°31'04"					C-48-58-A-a
Quốc lộ 57	KX	xã An Thuận	H. Thạnh Phú			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-58-A-a
cầu An Qui	KX	xã An Thuận	H. Thạnh Phú	9°54'57"	106°32'50"					C-48-58-A-a
rạch Bến Găng	TV	xã An Thuận	H. Thạnh Phú			9°55'11"	106°32'23"	9°53'44"	106°31'00"	C-48-58-A-a
Rạch Ớt	TV	xã An Thuận	H. Thạnh Phú			9°57'41"	106°32'39"	9°52'49"	106°31'45"	C-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cổ Chiên	TV	xã An Thuận	H. Thạnh Phú			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-58-A-a; C-48-58-A-c
ấp Thạnh An	DC	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú	9°55'11"	106°30'43"					C-48-58-A-a
ấp Thạnh Bình	DC	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú	9°55'57"	106°29'46"					C-48-57-B-b
ấp Thạnh Lại	DC	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú	9°56'16"	106°31'08"					C-48-58-A-a
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú	9°56'30"	106°31'05"					C-48-58-A-a
ấp Thạnh Quí A	DC	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú	9°56'05"	106°30'54"					C-48-58-A-a
ấp Thạnh Quí B	DC	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú	9°56'10"	106°30'27"					C-48-58-A-a
ấp Thạnh Tân	DC	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú	9°54'38"	106°31'04"					C-48-58-A-a
Quốc lộ 57	KX	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-58-A-a
rạch Bến Giông	TV	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú			9°56'09"	106°31'14"	9°54'32"	106°30'16"	C-48-57-B-b; C-48-58-A-a
rạch Cái Ráng Sâu	TV	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú			9°56'15"	106°29'41"	9°55'34"	106°29'03"	C-48-57-B-b
Rạch Miễu	TV	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú			9°55'39"	106°31'39"	9°57'50"	106°31'57"	C-48-58-A-a
rạch Tầng Dù	TV	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú			9°55'56"	106°31'00"	9°55'11"	106°29'32"	C-48-58-A-a; C-48-57-B-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Bình Thạnh	H. Thạnh Phú			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-57-B-b; C-48-58-A-a
Ấp Hòa	DC	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú	10°01'02"	106°25'51"					C-48-45-D-d
ấp Khu Phố	DC	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú	10°01'21"	106°26'43"					C-48-45-D-d
Ấp Mỹ	DC	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú	10°01'06"	106°27'14"					C-48-45-D-d
ấp Quí Mỹ	DC	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú	10°01'43"	106°27'17"					C-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp Thới	DC	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú	10°01'35"	106°26'11"					C-48-45-D-d
ấp Vĩnh Bắc	DC	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú	10°02'27"	106°26'48"					C-48-45-D-d
ấp Vĩnh Nam	DC	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú	10°02'07"	106°27'22"					C-48-45-D-d
Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà cổ Huỳnh Phủ (Hương Liêm) và khu mộ	KX	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú	10°02'23"	106°26'35"					C-48-45-D-d
kênh Ấp Hòa	TV	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú			10°00'59"	106°26'26"	10°00'55"	106°24'51"	C-48-45-D-d
kênh Chín Thước	TV	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú			10°01'14"	106°23'53"	9°59'02"	106°28'34"	C-48-45-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú			10°03'32"	106°26'31"	10°00'29"	106°26'00"	C-48-45-D-d
kênh Văn Thanh Nhàn	TV	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú			10°02'32"	106°26'47"	9°59'57"	106°27'13"	C-48-45-D-d
rạch Cái Bần	TV	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú			10°01'27"	106°26'09"	10°04'05"	106°26'00"	C-48-45-D-d
rạch Xẻo Vườn	TV	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú			9°59'36"	106°27'44"	10°01'39"	106°28'12"	C-48-45-D-d
sông Giồng Luông	TV	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú			10°01'13"	106°26'48"	10°02'56"	106°27'06"	C-48-45-D-d
sông Hàm Luông	TV	xã Đại Điền	H. Thạnh Phú			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-d
ấp Giao bình	DC	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú	9°53'53"	106°36'28"					C-48-58-A-a
ấp Giao Hiệp	DC	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú	9°51'58"	106°36'26"					C-48-58-A-c
ấp Giao Hòa A	DC	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú	9°52'44"	106°36'37"					C-48-58-A-a
ấp Giao Hòa B	DC	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú	9°53'00"	106°36'34"					C-48-58-A-a
ấp Giao Hòa Chợ	DC	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú	9°53'24"	106°36'09"					C-48-58-A-a
ấp Giao Lợi	DC	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú	9°54'19"	106°36'05"					C-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Giao Tân	DC	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú	9°50'30"	106°35'16"					C-48-58-A-c
ấp Giao Thạnh	DC	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú	9°54'53"	106°36'04"					C-48-58-A-a
rạch Hồ Các	TV	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú			9°54'18"	106°36'56"	9°55'04"	106°36'47"	C-48-58-A-a
rạch Hồ Máng Đen	TV	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	9°54'13"	106°36'52"	C-48-58-A-a; C-48-58-A-c
rạch Láng Đình	TV	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú			9°54'28"	106°36'30"	9°55'04"	106°36'35"	C-48-58-A-a
sông Băng Cung	TV	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-58-A-a; C-48-58-A-b
sông Eo Lói	TV	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú			9°54'59"	106°35'56"	9°50'35"	106°34'18"	C-48-58-A-c; C-48-58-A-a
sông Khém Thuyền	TV	xã Giao Thạnh	H. Thạnh Phú			9°54'13"	106°35'52"	9°50'09"	106°34'43"	C-48-58-A-a; C-48-58-A-c
ấp Quí An	DC	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú	9°56'16"	106°28'38"					C-48-57-B-b
ấp Quí An Hòa	DC	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú	9°56'49"	106°28'06"					C-48-57-B-b
ấp Quí Bình	DC	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú	9°57'08"	106°28'51"					C-48-57-B-b
ấp Quí Hòa	DC	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú	9°57'09"	106°27'42"					C-48-57-B-b
ấp Quí Lợi	DC	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú	9°57'30"	106°26'55"					C-48-57-B-b
ấp Quí Thuận A	DC	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú	9°58'04"	106°28'05"					C-48-57-B-b
ấp Quí Thuận B	DC	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú	9°58'21"	106°28'21"					C-48-57-B-b
kênh Phụ Nữ	TV	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú			9°57'48"	106°27'10"	9°57'01"	106°29'10"	C-48-57-B-b
rạch Cái Bần	TV	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú			9°58'45"	106°27'52"	9°56'49"	106°26'35"	C-48-57-B-b
rạch Cái Ráng Dòng	TV	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú			9°57'59"	106°28'55"	9°56'05"	106°28'20"	C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Ráng Giữa	TV	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú			9°56'41"	106°29'05"	9°55'54"	106°28'35"	C-48-57-B-b
rạch Cái Ráng Sâu	TV	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú			9°56'15"	106°29'41"	9°55'34"	106°29'03"	C-48-57-B-b
sông Cái Cá	TV	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú			9°59'28"	106°28'14"	9°56'20"	106°27'50"	C-48-57-B-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Hòa Lợi	H. Thạnh Phú			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-57-B-b
ấp An Bình	DC	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú	9°58'59"	106°31'49"					C-48-58-A-a
ấp An Hòa	DC	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú	9°58'44"	106°32'17"					C-48-58-A-a
ấp An Hòa B	DC	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú	9°58'21"	106°32'54"					C-48-58-A-a
ấp An Khương	DC	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú	9°58'10"	106°33'46"					C-48-58-A-a
ấp Thạnh Hưng	DC	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú	10°00'17"	106°29'47"					C-48-45-D-d
ấp Thạnh Mỹ	DC	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú	9°59'12"	106°30'48"					C-48-58-A-a
rạch An Bường Lớn	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°58'21"	106°31'21"	9°59'21"	106°32'12"	C-48-58-A-a
rạch An Bường Nhỏ	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°58'02"	106°31'39"	9°59'21"	106°32'12"	C-48-58-A-a
rạch Biện Lễ	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°57'38"	106°33'25"	9°58'42"	106°34'17"	C-48-58-A-a
Rạch Bùn	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°58'43"	106°32'44"	9°59'20"	106°33'17"	C-48-58-A-a
Rạch Chim	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°59'14"	106°30'16"	9°59'12"	106°30'53"	C-48-58-A-a
Rạch Cừ	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°57'32"	106°33'30"	9°58'31"	106°34'35"	C-48-58-A-a
rạch Giồng Vinh	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°59'12"	106°30'53"	9°59'47"	106°31'29"	C-48-58-A-a
rạch Heo Què	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°57'45"	106°32'48"	9°59'15"	106°33'11"	C-48-58-A-a
Rạch Mỏ	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°57'49"	106°32'02"	9°59'16"	106°32'19"	C-48-58-A-a
rạch Ngã Quát	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°58'28"	106°33'18"	9°57'45"	106°33'12"	C-48-58-A-a
rạch Nước Chảy	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°57'49"	106°33'14"	9°58'37"	106°33'12"	C-48-58-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Trưng	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°58'37"	106°33'12"	9°59'02"	106°33'48"	C-48-58-A-a
Rạch Váng	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°59'40"	106°30'22"	9°59'25"	106°30'03"	C-48-58-A-a
sông Băng Cung	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-58-A-a; C-48-45-D-b; C-48-57-D-b
sông Hàm Luông	TV	xã Mỹ An	H. Thạnh Phú			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-46-C-c; C-48-45-D-d; C-48-58-A-a
ấp Thạnh Hưng	DC	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú	9°59'42"	106°29'38"					C-48-57-B-b
ấp Thạnh Khương A	DC	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú	9°58'24"	106°29'40"					C-48-57-B-b
ấp Thạnh Khương B	DC	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú	9°57'40"	106°29'02"					C-48-57-B-b
ấp Thạnh Mỹ	DC	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú	9°59'16"	106°30'03"					C-48-58-A-a
ấp Thạnh Trị Thượng	DC	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú	9°58'28"	106°30'24"					C-48-58-A-a
Quốc lộ 57	KX	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-57-B-b; C-48-58-A-a
rạch Cái Cá	TV	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú			9°59'20"	106°28'08"	10°00'49"	106°28'59"	C-48-45-D-d
rạch Cái Ráng Dòng	TV	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú			9°57'59"	106°28'55"	9°56'05"	106°28'20"	C-48-57-B-b
sông Băng Cung	TV	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-58-A-a; C-48-57-B-b; C-48-45-D-d
sông Cả Rá Sâu	TV	xã Mỹ Hưng	H. Thạnh Phú			9°58'54"	106°28'46"	9°56'51"	106°29'53"	C-48-57-B-b
ấp Bình Khánh	DC	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú	10°02'29"	106°25'37"					C-48-45-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phú Hòa	DC	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú	10°02'56"	106°26'39"					C-48-45-D-d
ấp Phú Lợi	DC	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú	10°02'07"	106°26'35"					C-48-45-D-d
ấp Phú Long Phụng A	DC	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú	10°03'26"	106°26'10"					C-48-45-D-d
ấp Phú Long Phụng B	DC	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú	10°03'17"	106°25'39"					C-48-45-D-d
Di tích kiến trúc nghệ thuật Nhà cổ Huỳnh Phủ (Hương Liêm) và khu mộ	KX	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú	10°02'23"	106°26'35"					C-48-45-D-d
kênh Lộ Chùa	TV	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú			10°03'05"	106°24'35"	10°03'01"	106°25'39"	C-48-45-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú			10°03'32"	106°26'31"	10°00'29"	106°26'00"	C-48-45-D-d
rạch Cái Bần	TV	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú			10°01'27"	106°26'09"	10°04'05"	106°26'00"	C-48-45-D-d
sông Giồng Luông	TV	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú			10°01'13"	106°26'48"	10°02'56"	106°27'06"	C-48-45-D-d
sông Hàm Luông	TV	xã Phú Khánh	H. Thạnh Phú			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-d
ấp Quí Đức A	DC	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú	9°59'36"	106°28'09"					C-48-57-B-b
ấp Quí Đức B	DC	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú	9°59'20"	106°28'25"					C-48-57-B-b
ấp Quí Khương	DC	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú	9°58'37"	106°27'17"					C-48-57-B-b
ấp Quí Thạnh	DC	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú	10°01'22"	106°27'52"					C-48-45-D-d
ấp Quí Thế	DC	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú	9°59'48"	106°28'13"					C-48-57-B-b
Quốc lộ 57	KX	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-57-B-b
kênh Chín Thước	TV	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú			10°01'14"	106°23'53"	9°59'02"	106°28'34"	C-48-57-B-b
kênh Tổng Cang	TV	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú			9°57'09"	106°25'55"	9°59'47"	106°27'24"	C-48-57-B-b
rạch Cái Bần	TV	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú			9°58'45"	106°27'52"	9°56'49"	106°26'35"	C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cái Cá	TV	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú			9°59'20"	106°28'08"	10°00'49"	106°28'59"	C-48-45-D-d; C-48-57-B-b
rạch Xẻo Vườn	TV	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú			9°59'36"	106°27'44"	10°01'39"	106°28'12"	C-48-45-D-d; C-48-57-B-b
sông Băng Cung	TV	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-45-D-d
sông Hàm Luông	TV	xã Quới Điền	H. Thạnh Phú			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-45-D-d
Ấp Phong	DC	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú	9°59'41"	106°25'43"					C-48-57-B-b
Ấp Phú	DC	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú	10°00'47"	106°26'44"					C-48-45-D-d
Ấp Phủ	DC	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú	10°00'21"	106°25'03"					C-48-45-D-d
ấp Thạnh A	DC	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú	10°00'09"	106°27'12"					C-48-45-D-d
ấp Thạnh B	DC	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú	9°59'39"	106°26'19"					C-48-57-B-b
Quốc lộ 57	KX	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú			10°16'28"	106°01'33"	9°50'23"	106°36'28"	C-48-45-D-d
kênh Ấp Hòa	TV	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú			10°00'59"	106°26'26"	10°00'55"	106°24'51"	C-48-45-D-d
kênh Chín Thước	TV	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú			10°01'14"	106°23'53"	9°59'02"	106°28'34"	C-48-57-B-b; C-48-45-D-d
Kênh Ngang	TV	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú			10°03'32"	106°26'31"	10°00'29"	106°26'00"	C-48-45-D-d
kênh Tổng Cang	TV	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú			9°57'09"	106°25'55"	9°59'47"	106°27'24"	C-48-57-B-b
kênh Văn Thanh Nhàn	TV	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú			10°02'32"	106°26'47"	9°59'57"	106°27'13"	C-48-45-D-d; C-48-57-B-b
rạch Vàm Cả Lức	TV	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú			9°59'30"	106°26'39"	9°58'13"	106°24'18"	C-48-57-B-b
rạch Xẻo Vườn	TV	xã Tân Phong	H. Thạnh Phú			9°59'36"	106°27'44"	10°01'39"	106°28'12"	C-48-45-D-d;

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
										C-48-57-B-b
ấp Thạnh An	DC	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°52'20"	106°38'20"					C-48-58-A-d
ấp Thạnh Hải	DC	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°50'12"	106°39'14"					C-48-58-A-d
ấp Thạnh Hưng A	DC	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°52'05"	106°38'29"					C-48-58-A-d
ấp Thạnh Hưng B	DC	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°52'16"	106°38'54"					C-48-58-A-d
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°51'53"	106°39'25"					C-48-58-A-d
ấp Thạnh Thới A	DC	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°53'24"	106°39'28"					C-48-58-A-b
ấp Thạnh Thới B	DC	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°55'17"	106°38'51"					C-48-58-A-b
ấp Thạnh Thới Đông	DC	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°53'47"	106°39'38"					C-48-58-A-b
Cồn Bửng	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°50'53"	106°39'49"					C-48-58-A-d
Cồn Lợi	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°53'03"	106°40'58"					C-48-58-A-b
cồn Lợi Trên	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°55'18"	106°39'54"					C-48-58-A-b
cửa Hàm Luông	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°57'31"	106°39'23"					C-48-58-A-b
đập Đá Hàn	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°55'35"	106°37'45"					C-48-58-A-b
ngã ba Bồn Bồn	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú	9°51'00"	106°37'53"					C-48-58-A-d
Rạch Cẩm	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°55'19"	106°38'48"	9°54'37"	106°38'05"	C-48-58-A-b
rạch Cây Dừa	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°52'59"	106°39'52"	9°53'26"	106°41'05"	C-48-58-A-b
Rạch Chốt	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°54'49"	106°37'48"	9°55'38"	106°37'50"	C-48-58-A-b
rạch Con Ốc	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°51'00"	106°37'53"	9°54'55"	106°37'39"	C-48-58-A-b; C-48-58-A-d
rạch Hồ Cỏ	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°51'30"	106°38'59"	9°51'00"	106°37'53"	C-48-58-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Hồ Hòa	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°53'14"	106°39'14"	9°53'16"	106°38'36"	C-48-58-A-b
rạch Răn Hồ	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°51'30"	106°38'59"	9°48'44"	106°38'25"	C-48-58-A-d
rạch Vàm Rỗng	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°55'06"	106°37'17"	9°56'26"	106°38'17"	C-48-58-A-b; C-48-58-A-a
rạch Voi Đước	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°52'59"	106°39'52"	9°56'15"	106°38'18"	C-48-58-A-b
rạch Xe Đăng	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°52'44"	106°39'39"	9°51'30"	106°38'59"	C-48-58-A-d; C-48-58-A-b
rạch Xẻo Nhỏ	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°54'18"	106°38'56"	9°54'03"	106°38'28"	C-48-58-A-b
sông Băng Cung	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	10°00'53"	106°29'00"	C-48-58-A-a; C-48-58-A-b
sông Hàm Luông	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			10°17'00"	106°08'23"	9°57'31"	106°39'23"	C-48-58-A-b
sông Hồ Cỏ	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°52'44"	106°39'39"	9°50'23"	106°38'57"	C-48-58-A-d
Xẻo Lớn	TV	xã Thạnh Hải	H. Thạnh Phú			9°54'58"	106°38'56"	9°54'20"	106°38'20"	C-48-58-A-b
ấp Đại Thôn	DC	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú	9°53'02"	106°37'35"					C-48-58-A-b
ấp Thạnh An	DC	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú	9°51'40"	106°37'28"					C-48-58-A-c
ấp Thạnh Hòa	DC	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú	9°49'41"	106°36'01"					C-48-58-A-c
ấp Thạnh Lộc	DC	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú	9°49'35"	106°37'16"					C-48-58-A-c
ấp Thạnh Lợi	DC	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú	9°50'36"	106°38'28"					C-48-58-A-d
ấp Thạnh Phước	DC	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú	9°51'12"	106°37'52"					C-48-58-A-d
Di tích lịch sử Đầu cầu tiếp nhận vũ khí Bắc - Nam	KX	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú	9°48'43"	106°37'21"					C-48-58-A-c
cửa Cổ Chiên	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú	9°48'45"	106°33'20"					C-48-58-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ngã ba Bồn Bồn	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú	9°51'00"	106°37'53"					C-48-58-A-d
rạch Bến Kinh	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°50'50"	106°36'22"	9°49'54"	106°34'55"	C-48-58-A-c
Rạch Bông	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°53'57"	106°37'55"	9°54'19"	106°38'21"	C-48-58-A-b
rạch Con Mênh	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°51'00"	106°37'53"	9°50'09"	106°36'44"	C-48-58-A-d; C-48-58-A-c
rạch Con Ốc	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°51'00"	106°37'53"	9°54'55"	106°37'39"	C-48-58-A-d; C-48-58-A-b
Rạch Đáy	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°54'16"	106°37'31"	9°54'33"	106°38'09"	C-48-58-A-b
rạch Hồ Cỏ	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°51'30"	106°38'59"	9°51'00"	106°37'53"	C-48-58-A-d
rạch Hồ Cua	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°49'43"	106°37'20"	9°49'07"	106°36'34"	C-48-58-A-c
rạch Hồ Máng Đen	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°54'55"	106°37'39"	9°54'13"	106°36'52"	C-48-58-A-a; C-48-58-A-b
rạch Mương Kinh	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°52'00"	106°36'53"	9°50'35"	106°36'40"	C-48-58-A-c; C-48-58-A-d
rạch Răn Hồ	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°51'30"	106°38'59"	9°48'44"	106°38'25"	C-48-58-A-d
sông Cổ Chiên	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-58-A-c; C-48-58-A-d
sông Khâu Băng	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°50'54"	106°37'40"	9°49'15"	106°35'27"	C-48-58-A-c; C-48-58-A-d
sông Khém Thuyền	TV	xã Thạnh Phong	H. Thạnh Phú			9°54'13"	106°35'52"	9°50'09"	106°34'43"	C-48-58-A-c
ấp Xương Hòa 2	DC	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú	9°57'46"	106°25'16"					C-48-57-B-b
ấp Xương Long	DC	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú	9°58'26"	106°25'01"					C-48-57-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Xương Thạnh A	DC	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú	9°59'04"	106°25'32"					C-48-57-B-b
ấp Xương Thạnh B	DC	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú	9°57'35"	106°25'15"					C-48-57-B-b
ấp Xương Thới 1	DC	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú	9°58'22"	106°26'16"					C-48-57-B-b
ấp Xương Thới 3	DC	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú	9°57'34"	106°26'23"					C-48-57-B-b
kênh Dự án 418	TV	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú			9°59'18"	106°25'26"	9°57'48"	106°27'10"	C-48-57-B-b
kênh Phụ Nữ	TV	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú			9°57'48"	106°27'10"	9°57'01"	106°29'10"	C-48-57-B-b
kênh Tổng Cang	TV	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú			9°57'09"	106°25'55"	9°59'47"	106°27'24"	C-48-57-B-b
rạch Cái Bần	TV	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú			9°58'45"	106°27'52"	9°56'49"	106°26'35"	C-48-57-B-b
Rạch Đập	TV	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú			9°57'41"	106°26'17"	9°57'10"	106°26'28"	C-48-57-B-b
rạch Vàm Cả Lức	TV	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú			9°59'30"	106°26'39"	9°58'13"	106°24'18"	C-48-57-B-b
sông Cổ Chiên	TV	xã Thới Thạnh	H. Thạnh Phú			10°15'19"	106°02'01"	9°48'45"	106°33'20"	C-48-57-B-b

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng